TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

HAO HỤT CÔNG ĐOẠN

PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỆ THỐNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU

HÀ NỘI, 06/2025

BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X – Xoá

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T * S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
12/03/2025		*T	T	Thêm mới	1.01
12/05/2025	5.1	*T	T	Bổ sung Nhận số đo bể đầu ca (WS0) bằng phương pháp kế thừa dữ liệu từ WS3 ca liền kề trước	1.02
26/06/2025	2.4	*T	T	Khai báo khoảng hợp lệ cho tham số D15 và nhiệt độ	1.03
26/06/2025	2.5	*T	T	Khai báo cấu hình đo hàng hóa tại PTVC - Company	1.03
27/06/2025	4	*S	S	Nhập di chuyển săng dầu sáng SR1	1.03
27/06/2025	5.1	*S	S	Nhận số đo bể vòi bơm đầu ca (WS1)	1.03
27/06/2025	5.2	*S	S	Chốt số đo bể vòi bơm cuối ca (WS3)	1.03
30/07/2025	4.3	*S	S	Các biên bản chứng từ nhập hàng	1.03
11/09/2025	4	*S	S	Chỉnh sửa khi nhập SR1	1.03
23/09/2025	4	*S	S	Bổ sung trường thông tin lưu dữ liệu cho cửa hàng nhập hàng từ kho ngoài hệ thống PLX	1.03
24/09/2025				Hướng dẫn nghiệp vụ nhập hàng khi mức hàng thấp hơn đường sinh cao nhất của xi-tec	1.04
06/10/2025	4	*S	S	SR1: Thêm các trường LTT hao hụt định mức vận chuyển, L15 hao hụt định mức vận chuyển, Tỷ lệ hao hụt vận chuyển vào V2	1.04
14/10/2025	1.4.1	*S	S	Không thực hiện SR1 trên center nếu user được phân quyền "210 - Không thao tác tại Center"	1.04

MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN 5
1.1 Phạm vi tài liệu 5
1.2 Các thuật ngữ và viết tắt 5
1.3 Quy định về cách thức ghi nhận hao hụt xăng dầu 5
1.4 Các nội dung chính chỉnh sửa trên phần mềm 9
2. DANH MỤC TỪ ĐIỂN 10
2.1 Khai báo Tỷ lệ hao hụt định mức nhập, xuất, tồn chứa 10
2.2 Danh mục phương tiện vận chuyển 13
2.3 Mục đích đo bể 14
2.4 Khai báo khoảng hợp lệ cho tham số D15 và nhiệt độ 15
2.5 Khai báo cấu hình đo hàng hóa tại PTVC - Company 15
3. TÍNH TOÁN, QUẢN LÝ DENSITY 15 BỂ CHỨA 16
4. NHẬP DI CHUYỂN XĂNG DẦU SÁNG – SR1 17
4.1 Cửa hàng có sử dụng TĐH đo bể 17
4.2 Cửa hàng không sử dụng TĐH đo bể 23
4.3 Các biên bản chứng từ nhập hàng 26
4.4 Nhập hàng khi mức hàng thấp hơn đường sinh cao nhất của Xi-tec 32
4.5 Xử lý sự cố - SR1 34
5. QUẢN LÝ SỐ ĐO BỂ VÒI BƠM ĐẦU CA, CUỐI CA 36
5.1 Nhận số đo bể vòi bơm đầu ca 36
5.2 Chốt số đo bể vòi bơm cuối ca (WS3) 38
6. BÁO CÁO 40
6.1 Thẻ bể 40
6.2 Báo cáo hao hụt nhập - M23_N 41
6.3 Báo cáo hao hụt xuất - M23_X 44
PHỤ LỤC 01 – CÔNG THỨC TÍNH TOÁN TẠI TAB “HẠCH TOÁN”- SR1 46
PHỤ LỤC 02 – CÔNG THỨC TÍNH TOÁN D15 BỂ 46
PHỤ LỤC 03 – CÔNG THỨC TÍNH TOÁN NHẬP XUẤT CHÊNH LỆCH NHIỆT ĐỘ 47
PHỤ LỤC 04 - HƯỚNG DẪN NHẬP XUẤT TẠI CA BÁN HÀNG 47
PHỤ LỤC 05 – DỮ LIỆU TẠI CÁC TAB TRÊN CHỨNG TỪ NHẬP HÀNG SR1 48
PHỤ LỤC 06 - SR1- THÔNG BÁO LỖI VÀ CÁCH XỬ LÝ 52

1. TỔNG QUAN

1.1 Phạm vi tài liệu

Tài liệu được xây dựng với mục đích hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý cửa hàng EGAS thực hiện nghiệp vụ Hao hụt xăng dầu sáng tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

1.2 Các thuật ngữ và viết tắt

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Diễn giải
1.	Petrolimex, PLX	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
2.	PIACOM	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex
3.	EGAS	Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu
4.	AGAS	Phần mềm quản lý tự động hóa bể, vòi bơm
5.	SAP	Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP của Petrolimex
6.	VPCTY	Khối văn phòng quản lý cửa hàng trực thuộc
7.	CHXD	Cửa hàng xăng dầu
8.	CTXD	Công ty xăng dầu
9.	CNXD	Chi nhánh xăng dầu
10.	NSD	Người sử dụng
11.	XDS	Xăng dầu sáng
12.	NXT	Nhập - xuất - tồn
13.	DCNB	Điều chuyển nội bộ
14.	PTVC	Phương tiện vận chuyển
15.	NB	Nội bộ
16.	Cty	Công ty
17.	DM	Danh mục
18.	CN	Chi nhánh
19.	PXK	Phiếu xuất kho
20.	(*)	Dấu (*) đi kèm với tên trường nghĩa là bắt buộc nhập liệu

1.3 Quy định về cách thức ghi nhận hao hụt xăng dầu

Quy định về cách thức đo tính, nguyên tắc ghi nhận hao hụt xăng dầu các công đoạn từ Kho về CHXD và quá trình NXT tại CHXD gồm:

1.3.1 Khâu vận chuyển về CHXD

Hao hụt vận chuyển là chênh lệch giữa số lượng xăng dầu từ đồng hồ kho xuất (số lượng tại Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ/Vận đơn) và số lượng xăng dầu đo

tính tại phương tiện vận tải trước khi nhập hàng tại CHXD, gồm: hao hụt công đoạn xuất hàng từ đồng hồ kho xuất – phương tiện vận tải và hao hụt công đoạn vận chuyển bằng đường bộ. Khâu vận chuyển không được quản lý tại EGAS.

Công thức tính toán:

Tại Kho xuất		Vận chuyển đến CHXD
Lượng vận đơn (Lit 15 oC)	Lượng phương tiện (Lượng quy đổi về thể tích ở 15 oC)	Lượng phương tiện (Lượng quy đổi về thể tích ở 15 oC)
V1	V2	V3
Hao hụt xuất hàng tại kho H1 = V1 - V2		Hao hụt vận chuyển H2 = V2 - V3
Tổng hao hụt vận chuyển H = H1 + H2 = V1 - V3		

Giải thích ý nghĩa các tham số

Tham số	Giá trị
V1	Số lượng hàng hóa theo đồng hồ tại kho xuất theo thể tích quy đổi về thể tích ở 15oC (L15)
V2	Số lượng hàng hóa tại phương tiện kho xuất quy đổi về thể tích ở 15oC (L15)
V3	Số lượng hàng hóa tại phương tiện trước khi nhập CHXD quy đổi về thể tích ở 15oC (L15)
H1	Lượng hao hụt xuất hàng từ đồng hồ kho xuất – phương tiện vận tải
H2	Hao hụt công đoạn vận chuyển xăng dầu đường bộ

1.3.2 Khâu nhập, xuất, tồn chứa tại CHXD

Đây là quá trình quản lý hàng hóa tại CHXD sau khi nhập hàng vào bể, bảo quản tồn chứa và xuất hàng ra thông qua cột đo xăng dầu.

- Hao hụt nhập là lượng chênh lệch giữa lượng hàng đo tính tại phương tiện trước nhập và lượng hàng thực nhập tại bể chứa tại CHXD.
- Hao hụt xuất là lượng chênh lệch giữa lượng hàng thực xuất qua cột bơm xăng dầu và lượng hàng thực xuất tại bể chứa tương ứng của CHXD trong ca/ngày bán hàng.

Công thức tính toán:

Tại CHXD **Khi nhập hàng**		**Tại CHXD** **Khi mở/đóng ca bán hàng**			
Thẻ bể		Cột đo xăng dầu		Thẻ bể	
Lượng tồn trước nhập_Vt	Lượng tồn sau nhập_Vs	Số máy mở ca n	Số máy đóng ca n	Lượng tồn mở ca n	Lượng tồn đóng ca n
Lượng nhập vào bể V4 = Vs - Vt		Mm	Mđ	Vm (n)	Vđ (n)
Hao hụt nhập H3 = V3 - V4		**Hao hụt xuất** + Không nhập hàng trong ca: H4 = (Vm - Vđ) - (Mđ - Mm) + Có nhập hàng trong ca: H4 = (Vm - Vđ + V4) - (Mđ - Mm)			

- Hao hụt tồn chứa là lượng chênh lệch giữa lượng hàng tồn chứa tại bể chứa trong thời gian kết thúc ca bán hàng ngày hôm trước đến khi mở ca bán hàng ngày hôm sau (trong thời gian này không có hoạt động nhập/xuất xăng dầu)

Công thức tính toán:

Tại CHXD - Khi mở/đóng ca của ngày bán hàng	
Thẻ bể	
Lượng tồn đóng ca cuối ngày k	Lượng tồn mở ca đầu ngày k+1
Vđ (k)	Vm (k+1)
Hao hụt tồn chứa H5 = Vđ (k) - Vm (k+1)	

Giải thích ý nghĩa các tham số

Tham số	**Giá trị**
V3	Số lượng hàng hóa tại phương tiện trước khi nhập CHXD quy đổi về thể tích ở 15oC (L15)
V4	Số lượng thực nhập tại bể chứa quy đổi về thể tích ở 15oC (L15)
Vt	Lượng tồn trước nhập quy đổi về thể tích ở 15oC (L15)
Vs	Lượng tồn sau nhập quy đổi về thể tích ở 15oC (L15)
Mm	Số máy mở ca ngày n
Mđ	Số máy đóng ca ngày n
Vm (n)	Lượng tồn mở ca thứ n (trong một ngày)
Vđ (n)	Lượng tồn đóng ca thứ n (trong một ngày)
Vđ (k)	Lượng tồn đóng ca ngày k

Tham số	Giá trị
Vm (k+1)	Lượng tồn mở ca ngày k+1
H3	Hao hụt nhập
H4	Hao hụt xuất
H5	Hao hụt tồn chứa

1.4 Các nội dung chính chỉnh sửa trên phần mềm

1.4.1 Điều chỉnh Nhập xăng dầu sáng - SR1

- Tab "Vận đơn": Bỏ cột "ĐCNB": Số liệu này sẽ được tự động tính từ tab "PTVC tại CHXD".
- Bổ sung tab "PTVC tại Kho": Ghi nhận thông tin Phương tiện tại kho xuất theo từng ngăn, dữ liệu được kế thừa từ SAP, nếu Load được dữ liệu thì không cho NSD sửa.
- Điều chỉnh Tab "PTVC tại CHXD": Ghi nhận thông tin tại phương tiện theo từng ngăn tại CHXD trước khi nhập hàng vào bể.
- Điều chỉnh Tab "Hạch toán": Hệ thống hạch toán theo tham số PLX quy định.

  + V1 - theo vận đơn: Số lượng LTT, L15 hạch toán là số lượng trên vận đơn (như cũ).

  + V3 - theo số giao nhận: Số lượng LTT, L15 hạch toán là số giao nhận được lấy từ các ngăn tương ứng của tab "PTVC tại CHXD" bằng cách cộng tổng các ngăn.
- Điều chỉnh Tab "Phần đo bể": Tỷ trọng 15 bình quân trước nhập, sau nhập được tính toán theo công thức "Tính D15 bể" tại Phụ lục 02. Bổ sung thêm các trường thông tin: Người đo, hàng hóa của bể.
- Điều chỉnh Tab "Số đo vòi bơm chốt": Bổ sung thông tin hàng hóa, bể chứa của từng vòi bơm.
- Không thực hiện trên center nếu user được phân quyền "210 - Không thao tác tại Center" (không tạo SR1, mở ca mới tại Egas trung tâm)

  - ***Chú ý***: Từ 01/07/2025 Tập đoàn quy định hạch toán SR1 theo V3

1.4.2 Bổ sung Tính toán, quản lý Density 15 (D15) bể chứa

- Phần mềm tự động tính toán lại D15 của mỗi bể chứa sau từng lần nhập hàng.
- Người dùng đo tính và nhập thủ công D15 theo quy định của Tập đoàn (khi kiểm kê cuối tháng)
- Phần mềm tự động gửi D15 sang AGAS để tính toán hiển thị trên màn hình SCADA.

1.4.3 Điều chỉnh Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ - KS9

- Thay đổi cách tính KS9: Tính toán trên cơ sở thông tin giao nhận tại Phương tiện vận chuyển tại CHXD. Tại phụ lục 03
- Các bước thực hiện trên phần mềm: Không thay đổi

1.4.4 Bổ sung Danh mục "Mục đích đo bể"

- Mục đích: Ghi nhận các Mục đích đo bể tại tab Đo bể của các chức năng cần đo bể

Mã	Tên	STT	Start	End	Event_End	TypeIE	Ghi chú
N5	Đo trước nhập di chuyển NB Cty	3	x		N6	I	SR1
N6	Đo sau nhập di chuyển NB Cty	1		x		I	SR1
N7	Đo trước xuất di chuyển NB Cty	3	x		N8	E	SO1
N8	Đo sau xuất di chuyển NB Cty	1		x		E	SO1
10	Đo kiểm kê	2					KS5
A3	Đo trước xuất (chung)	3	x		A4	E	WS0
A4	Đo sau xuất (chung)	1		x		E	WS3

1.4.5 Bổ sung các Danh mục Tỷ lệ hao hụt định mức

Mục đích: Khai báo hệ số tính hao hụt cho từng hàng hóa, CHXD, bao gồm 03 danh mục:

- Tỷ lệ hao hụt định mức nhập.
- Tỷ lệ hao hụt định mức xuất.
- Tỷ lệ hao hụt định mức tồn chứa.

2. DANH MỤC TỪ ĐIỂN

2.1 Khai báo Tỷ lệ hao hụt định mức nhập, xuất, tồn chứa

a. Mục đích

Khai báo hệ số tính hao hụt nhập, xuất, tồn chứa cho từng hàng hóa, CHXD.

b. Đường dẫn

- Menu**:**

  Hệ thống\ DM Chung\ Tỷ lệ hao hụt định mức nhập

  Hệ thống\ DM Chung \ Tỷ lệ hao hụt định mức xuất

  Hệ thống\ DM Chung \ Tỷ lệ hao hụt định mức tồn chứa

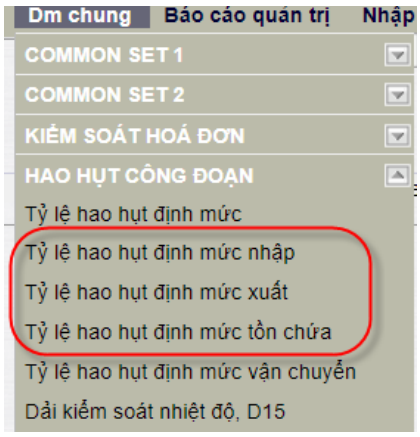

- Người thực hiện: Văn phòng CTY/CN
- Quyền thực hiện: ADMCTY - Admin công ty

c. *Hướng dẫn chi tiết*

- ***<u>Thêm mới</u>***
  - **Bước 1**: Truy cập theo đường dẫn → Chọn CHXD → Click "Thêm"

  - **Bước 2**: Nhập thông tin các trường → Click "Lưu (Ctrl +S)" hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl + S để lưu chứng từ

Các trường thông tin

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Giá trị/ Cách nhập	Bắt buộc
1	Sys	Hệ thống tự động sinh	Tự động	*
2	Hàng hóa	Mã – Tên hàng hóa thuộc nhóm XDS	Tự nhập	*
3	Kho	Mã – Tên CHXD	Tự nhập	*

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Giá trị/ Cách nhập	Bắt buộc
4	Định mức hhut (%)	Tỷ lệ hao hụt định mức	Tự nhập	*
5	Từ ngày	Ngày bắt đầu hiệu lực	Tự nhập (dd/mm/yyyy)	*

➢ **Lưu ý:**

- Hệ thống chặn không cho phép khai báo trùng thời gian hiệu lực theo CHXD và mặt hàng

▪ ***Import từ excel***

- **Bước 1:** Tạo file template Excel theo mẫu sau

Sys	Hàng hóa	CHXD		Định mức hao hụt (%)	Từ ngày
	0201004	212004		0.0500	01/03/2025
	0601002	212004		0.0500	01/03/2025
	0201032	212004		0.0100	01/03/2025

Các trường thông tin

STT	Trường thông tin	Giá trị	Bắt buộc
1	Sys	Không nhập (Mặc định = Để trống)	
2	Hàng hóa	Mã hàng hóa XDS	*
3	CHXD	Mã CHXD	*
4		Không nhập (Mặc định = Để trống)	
5	Định mức hao hụt (%)	Tỷ lệ hao hụt	*
6	Từ ngày	Ngày bắt đầu có hiệu lực	*

- **Bước 2:** Thực hiện copy dữ liệu trong file Template Excel vào hệ thống
  - Chọn các dòng dữ liệu trên Excel để copy, không chọn dòng tiêu đề → Thực hiện Copy/ hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl +C để copy dữ liệu

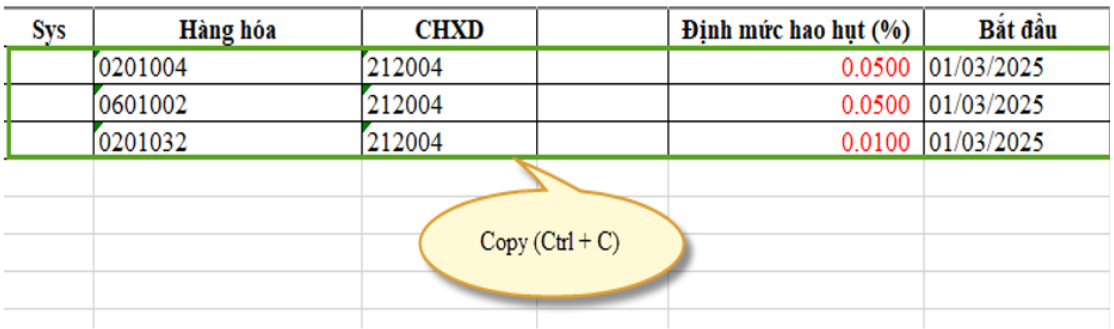

  - Thực hiện như sau

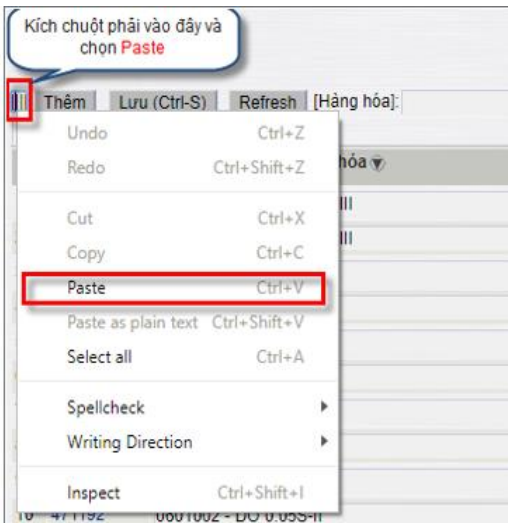

- Sau khi paste dữ liệu thành công, nhấn "Lưu (Ctrl+S)"

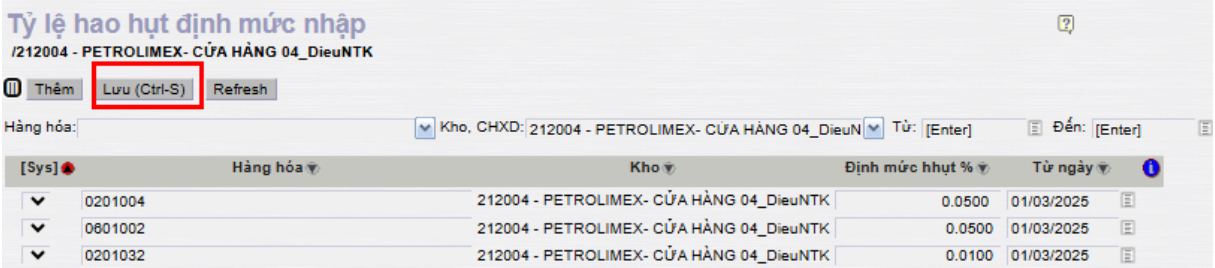

2.2 Danh mục phương tiện vận chuyển

a. Mục đích

Phương tiện vận chuyển và Barem các ngăn hàng của phương tiện được khai báo trên hệ thống SAP, sau đó hệ thống SAP tự động gửi sang EGAS.

Barem của PTVC là căn cứ để xác định lượng hàng theo từng ngăn của PTVC tại CHXD khi thực hiện nhập hàng - SR1.

b. Đường dẫn

- Menu**:** Hệ thống\ Dm toàn ngành\ Phương tiện vận chuyển
- Người thực hiện: PLX

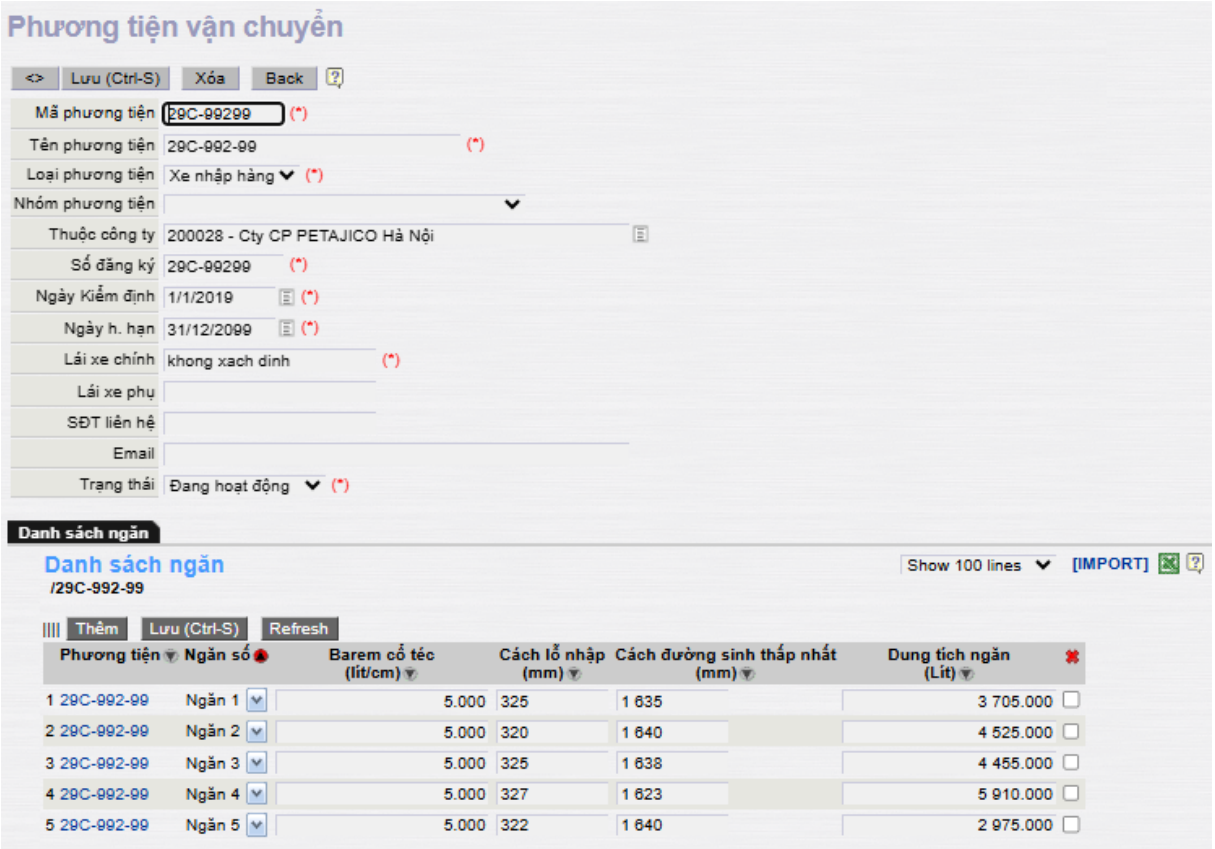

2.3 Mục đích đo bể

a. Mục đích

Định nghĩa mục đích đo bể làm căn cứ lên báo cáo Thẻ bể

b. Đường dẫn

- Menu: Hệ thống\ Dm toàn ngành\ Danh sách mục đích đo
- Người thực hiện: PLX

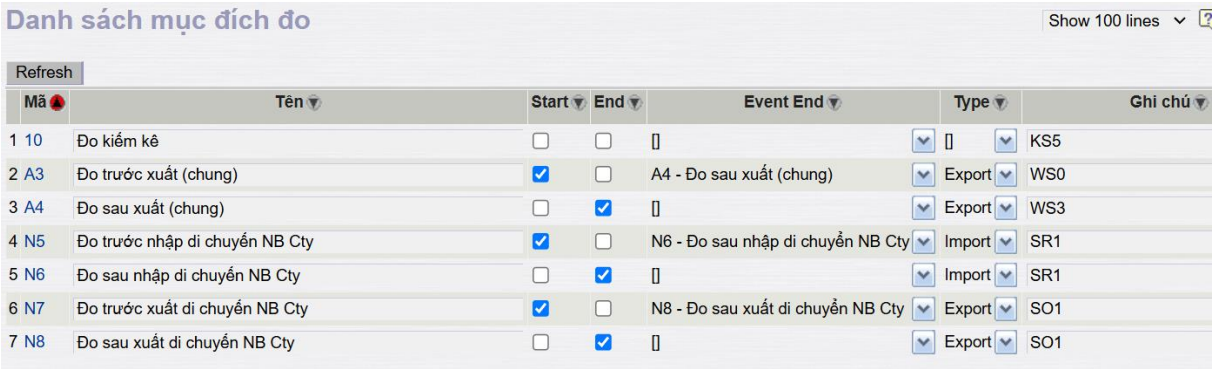

Các trường thông tin

Tham số	Giá trị
Mã	Mã nghiệp vụ đo bể
Tên	Tên nghiệp vụ đo bể
STT	Số tự nhiên tăng dần, có thể trùng nhau. Dùng để sắp xếp nếu các phép đo có cùng thời điểm đo

Tham số	Giá trị
Start	Giá trị "x" hoặc để trống. Đánh dấu phép đo bắt đầu trong nghiệp vụ có phép đo bể là 1 cặp
End	Giá trị "x" hoặc để trống. Đánh dấu phép đo kết thúc trong nghiệp vụ có phép đo bể là 1 cặp
Event_End	Ghi nhận giá trị mã đo kết thúc tương ứng với các phép đo có trường Start = "x"
TypeIE	Gồm 02 giá trị "I" và "E", có thể để trống (tương ứng với phép đo cho nghiệp vụ nhập hoặc xuất. Phép đo không cho mục đích nhập hoặc xuất thì để trống)
Ghi chú	Mã Tcode tương ứng

2.4 Khai báo khoảng hợp lệ cho tham số D15 và nhiệt độ

a. *Mục đích*

- Tập đoàn sẽ khai báo khoảng hợp lệ cho tham số D15 và nhiệt độ để chương trình làm cơ sở chặn khi cửa hàng cập nhật D15 và nhiệt độ sai (ngoài phạm vi cho phép)

b. *Đường dẫn*

- Menu**:** Hệ thống\ Dm Chung\ Dải kiểm soát nhiệt độ, D15
- Người thực hiện: PLX

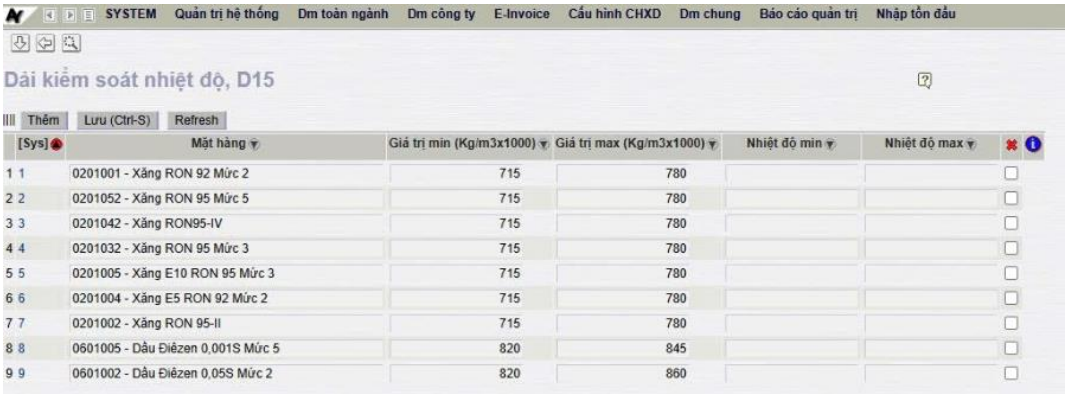

[Sys]		Mặt hàng	Giá trị min (Kg/m3x1000)	Giá trị max (Kg/m3x1000)	Nhiệt độ min	Nhiệt độ max
1	1	0201001 - Xăng RON 92 Mức 2	715	780		
2	2	0201052 - Xăng RON 95 Mức 5	715	780		
3	3	0201042 - Xăng RON95-IV	715	780		
4	4	0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	715	780		
5	5	0201005 - Xăng E10 RON 95 Mức 3	715	780		
6	6	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	715	780		
7	7	0201002 - Xăng RON 95-II	715	780		
8	8	0601005 - Dầu Điêzen 0,001S Mức 5	820	845		
9	9	0601002 - Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	820	860		

2.5 Khai báo cấu hình đo hàng hóa tại PTVC - Company

c. *Mục đích*

- Đơn vị khai báo cho cửa hàng cập nhật H mức dầu hay H chênh lệch khi nhập hàng XDS (SR1). Nếu đơn vị khai báo H mức dầu thì H chênh lệch sẽ được chương trình tự tính theo Barem cổ téc của ngăn phương tiện và ngược lại nếu khai báo H chênh lệch thì chương trình sẽ tính ra H mức dầu

d. *Đường dẫn*

- Menu**:** Hệ thống\ Quản trị hệ thống\ Cấu hình đo hàng hóa tại PTVC - Company
- Người thực hiện: Quản trị đơn vị

3. TÍNH TOÁN, QUẢN LÝ DENSITY 15 BỂ CHỨA

a. *Mục đích*

- Ghi nhận thông tin D15 bể cùng các thông tin liên quan sau mỗi lần nhập hàng theo công thức bình quân gia quyền để tính toán lượng hàng tại bể được chính xác hơn
- Công thức tính toán: Theo phụ lục 02

b. *Đường dẫn*

Menu: CHXD\ Cấu hình CHXD\ D15 bể

- Người thực hiện: CHXD/ Văn phòng CTY/CN
- Quyền thực hiện: CH6 - Quản lý kho
- Chỉ được thay đổi dữ liệu tại môi trường EGAS CENTER

c. *Hướng dẫn chi tiết*

- Sau mỗi lần nhập hàng (NSD lưu chứng từ SR1) thành công, hệ thống tự động tính toán D15 bình quân sau nhập và lưu giá trị vào danh mục. Với các dữ liệu hệ thống tính toán, NSD không được sửa các thông tin này.

  CHXD phải nhập thủ công giá trị khởi tạo lần đầu cho bể khi bắt đầu áp dụng nghiệp vụ mới nếu có lượng hàng tồn trong bể hoặc nhập khi kiểm kê cuối tháng. Cách thức nhập thủ công như sau:
- **Bước 1**: Vào Menu: CHXD\ Cấu hình CHXD\ D15 bể → Click chọn nút "Thêm"

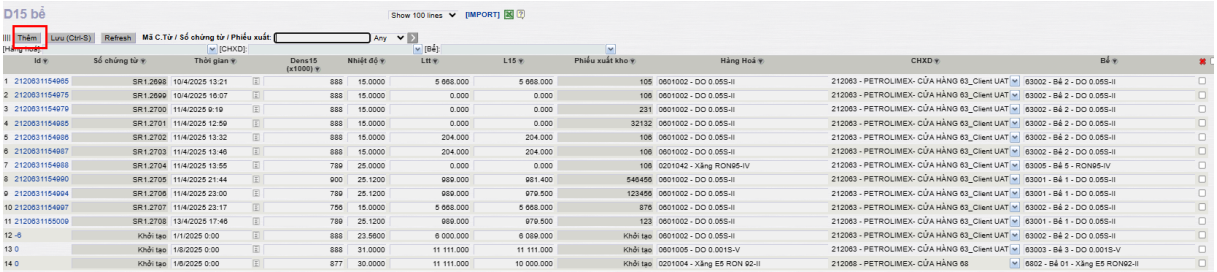

- **Bước 2**: Nhập thông tin các trường theo mô tả cột nhập thủ công → Click "Lưu (Ctrl +S)" hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl + S để lưu chứng từ

Các trường thông tin

STT	Trường thông tin	Nhập thủ công	Tự động	Bắt buộc
1	ID	Hệ thống sinh tự động	ID của chứng từ SR1 được tính toán (Số B)	*

STT	Trường thông tin	Nhập thủ công	Tự động	Bắt buộc
2	Số chứng từ	Mặc định = "Khởi tạo"	Số chứng từ SR1 được tính toán	*
3	Thời gian	Thời gian đo thực tế tại bể	Thời gian đo bể sau nhập tại SR1	*
4	Denstt	Tỷ trọng thực tế tại bể	Không sử dụng	
5	Dens15	Tự động tính từ Denstt	Dens15 bể sau nhập tại SR1	*
6	Nhiệt độ	Nhiệt độ thực tế tại bể	Nhiệt độ bể sau nhập tại SR1	*
7	LTT	Số lượng Lit thực tế tại bể	Lit TT bể sau nhập tại SR1	*
8	L15	Số lượng Lít 15 quy đổi theo nhiệt độ, tỷ trọng tại bể	L15 bể sau nhập tại SR1	*
9	Phiếu xuất kho	Mặc định = "Khởi tạo"	Số phiếu xuất kho tại SR1	*
10	Hàng hóa	Mã - Tên hàng hóa	Mã - Tên hàng hóa	*
11	Bể	Mã - Tên bể chứa	Mã - Tên bể chứa	*
12	CHXD	Mã - Tên CHXD	Mã - Tên CHXD	*

4. NHẬP DI CHUYỂN XĂNG DẦU SÁNG – SR1

- ReadOnly tab "Vận đơn" và "PTVC tại Kho" khi chứng từ đã được kế thừa dữ liệu từ SAP
- Cảnh báo logic Nhiệt độ và H mức dầu (Với các ngăn tại "PTVC tại CHXD" KHÔNG được tích DCNB):
  - Nếu Nhiệt độ (V2) tại ngăn tương ứng > Nhiệt độ PT (V3) thì H mức dầu (V2) tại ngăn tương ứng < H mức dầu (V3)
  - Nếu Nhiệt độ (V2) tại ngăn tương ứng < Nhiệt độ PT (V3) thì H mức dầu (V2) tại ngăn tương ứng > H mức dầu (V3) (V2 = Tab PTVC tại kho, V3 = Tab PTVC tại CHXD)
- ReadOnly H mức dầu nếu cấu hình nhập H chênh lệch và ngược lại

4.1 Cửa hàng có sử dụng TĐH đo bể

a. Trước khi nhập hàng xuống bể:

- Vào Menu: CHXD\ Kho\ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
- **Bước 1**: Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn → Click "Chốt TĐH trước nhập"

- **Bước 2**: Tab "Vận đơn"

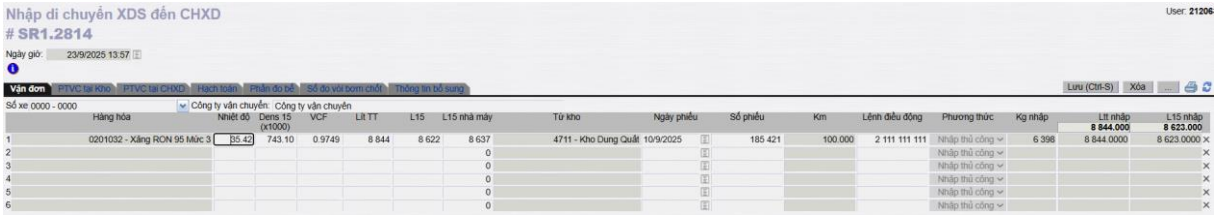

  - Số xe: NSD chọn số phương tiện trong danh sách. Trường hợp không có phương tiện trong danh sách NSD thực hiện như sau:
    - Click chuột vào ô số xe → Nhấn phím "Enter" → hệ thống tự động gọi lên EGAS CENTER để lấy thông tin phương tiện từ SAP sang EGAS
    - Lưu ý: Tại EGAS CLIENT, CHXD cần thực hiện đồng bộ dữ liệu để Phương tiện được đồng bộ từ CENTER về CLIENT
  - Hệ thống tự động Load toàn bộ thông tin từ SAP trả về căn cứ vào "số phiếu xuất, ngày phiếu, kho xuất". NSD kiểm tra thông tin với vận đơn thực tế tại CHXD.
  - Đối với các trường hợp CHXD nhập hàng từ kho xuất nằm ngoài hệ thống kho của PLX (ví dụ 2712 - Kho XD Thanh Hóa hoặc từ 4711- Kho Dung Quất) lưu thêm các thông tin như sau:
    - L15: tổng giá trị "L15 vận đơn PLX" theo hàng hóa trong các ngăn hàng tại tab "PTVC tại Kho"
    - L15 nhà máy: L15 nhà máy theo hàng hóa.
    - Các thông tin Nhiệt độ, D15, LTT nhà máy giống với Nhiệt độ, D15, LTT của PLX.
    - VCF nhà máy không lưu trên phần mềm, khi cần có thể tính theo công thức:

      VCF nhà máy = round (L15 nhà máy/LTT nhà máy,4)
  - Trường hợp không Load tự động được thông tin từ SAP:
    - NSD Click nút "***Load PXK***" để hệ thống Load lại thông tin từ SAP.
    - Nhập thủ công theo thông tin trên vận đơn nếu không Load được thông tin từ SAP.

- Đối với các CHXD nhập hàng từ kho xuất ngoài hệ thống PLX, cần nhập thêm thông tin L15 nhà máy.
- Nhập thông tin "Lệnh điều động" ghi trên vận đơn
- Hệ thống tự động ghi nhận Ghi nhận cờ phương thức nhập thủ công/ thừa kế từ SAP:
    - Thừa kế SAP: Không cho sửa tab "Vận đơn" và tab "PTVC tại Kho"
    - Thủ công: Cho sửa tab "Vận đơn" và tab "PTVC tại Kho"

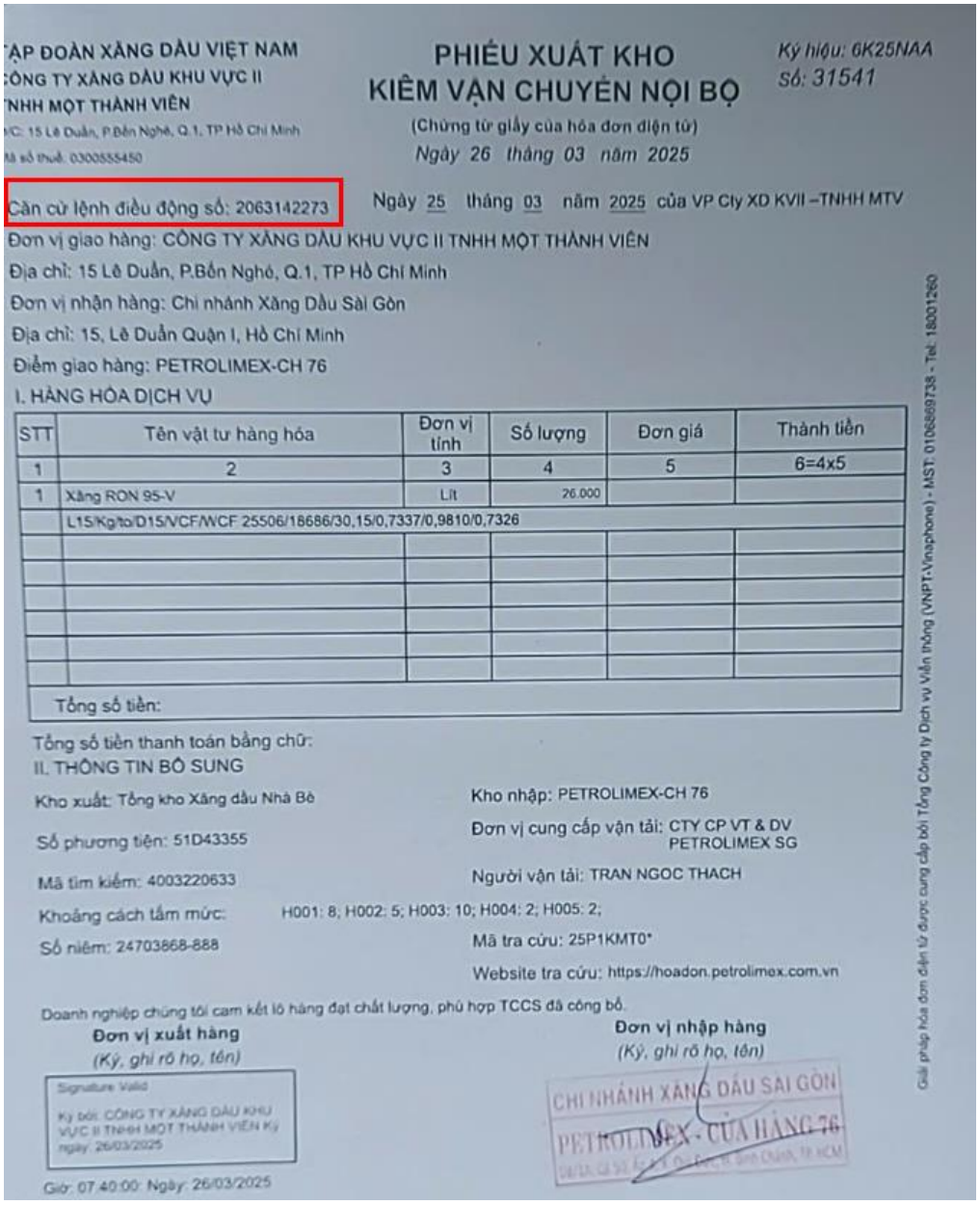

ẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
ÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II
NHH MỘT THÀNH VIÊN
C: 15 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1, TP Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0300555450

PHIẾU XUẤT KHO
KIÊM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ
(Chứng từ giấy của hóa đơn điện tử)
Ngày 26 tháng 03 năm 2025

Ký hiệu: 6K25NAA
Số: 31541

Căn cứ lệnh điều động số: 2063142273 Ngày 25 tháng 03 năm 2025 của VP Cty XD KVII –TNHH MTV
Đơn vị giao hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Địa chỉ: 15 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1, TP Hồ Chí Minh
Đơn vị nhận hàng: Chi nhánh Xăng Dầu Sài Gòn
Địa chỉ: 15, Lê Duẩn Quận I, Hồ Chí Minh
Điểm giao hàng: PETROLIMEX-CH 76
I. HÀNG HÓA DỊCH VỤ

STT	Tên vật tư hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xăng RON 95-V	Lít	26.000		
	L15/Kg/to/D15/VCF/WCF 25506/18686/30,15/0,7337/0,9810/0,7326				
	Tổng số tiền:				

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:
II. THÔNG TIN BỔ SUNG
Kho xuất: Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè
Kho nhập: PETROLIMEX-CH 76
Số phương tiện: 51D43355
Đơn vị cung cấp vận tải: CTY CP VT & DV PETROLIMEX SG
Mã tìm kiếm: 4003220633
Người vận tải: TRAN NGOC THACH
Khoảng cách tầm mức: H001: 8; H002: 5; H003: 10; H004: 2; H005: 2;
Số niêm: 24703868-888
Mã tra cứu: 25P1KMT0*
Website tra cứu: https://hoadon.petrolimex.com.vn
Doanh nghiệp chúng tôi cam kết lô hàng đạt chất lượng, phù hợp TCCS đã công bố.
Đơn vị xuất hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II TNHH MỘT THÀNH VIÊN Ký ngày: 26/03/2025
Đơn vị nhập hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
CHI NHÁNH XĂNG DẦU SÀI GÒN
PETROLIMEX - CỬA HÀNG 76
Giờ: 07:40:00 Ngày: 26/03/2025
Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) - MST: 0106869738 - Tel: 18001260

- **Bước 3**: Tab "PTVC tại kho"

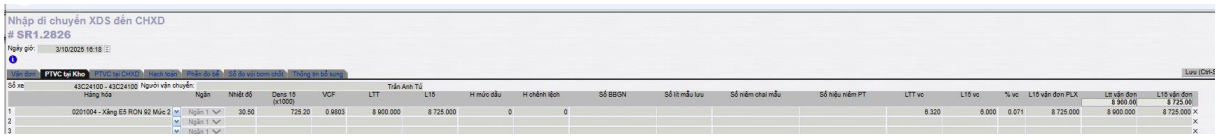

- Hệ thống tự động Load toàn bộ thông tin từ SAP trả về căn cứ vào "số phiếu xuất, ngày phiếu, kho xuất". Trường hợp không Load được thông tin từ SAP, NSD nhập thủ công (bắt buộc nhập các trường LTT hao hụt định mức

vận chuyển- LTTvc, L15 hao hụt định mức vận chuyển- L15vc, Tỷ lệ hao hụt vận chuyển- %vc)

- NSD cập nhật các giá trị Ltt vận đơn và L15 vận đơn
- Đối với các trường hợp CHXD nhập hàng từ kho xuất nằm ngoài hệ thống kho của PLX (ví dụ 2712 - Kho XD Thanh Hóa hoặc từ 4711- Kho Dung Quất) có thêm các thông tin như sau:
  - L15 vận đơn: Giá trị L15 nhà máy theo ngăn hàng
  - Các thông tin Nhiệt độ, D15, LTT nhà máy giống với Nhiệt độ, D15, LTT của PLX.
  - L15 vận đơn PLX: Giá trị L15 PLX quy đổi theo ngăn hàng và được tính theo công thức như sau:

  *L15 vận đơn PLX = Round (LTT vận đơn * VCF,0)*

- ***Chú ý***: Cập nhật đầy đủ thông tin người vận chuyển

- **Bước 4:** Tab "PTVC tại CHXD"

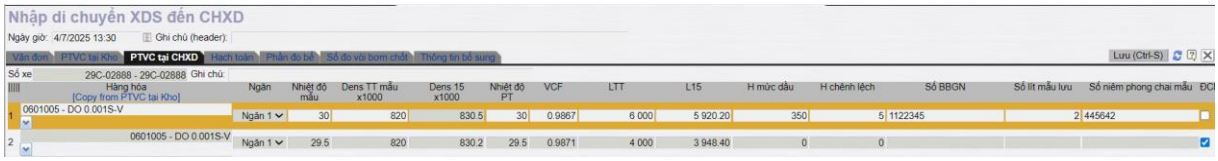

  - Bước 4.1: Khi NSD nhấn vào link "Copy from PTVC tại Kho": hệ thống tự động sao chép dữ liệu từ tab "PTVC tại Kho" sang tab "PTVC tại CHXD" gồm các thông tin:
    - Hàng hóa, Ngăn, Dens 15, VCF, Ltt, L15, H mức dầu, H chênh lệch
    - Nhiệt độ: giá trị được copy vào ô Nhiệt độ PT

    NSD nhập các thông tin: Nhiệt độ mẫu, Dens TT mẫu, Nhiệt độ PT, H mức dầu, H chênh lệch.

  - Bước 4.2: Tích chọn "ĐCNB" vào các ngăn sẽ điều chuyển sang cửa hàng khác, không nhập vào bể: Hệ thống tự động load các thông tin còn lại từ tab "PTVC tại Kho" và không cho NSD sửa
  - Bước 4.3: Tại các ngăn không tích chọn "ĐCNB":
    - NSD nhập các thông tin tại phương tiện theo từng ngăn gồm: Nhiệt độ mẫu, Dens TT mẫu, Nhiệt độ PT, LTT, L15, H mức dầu (hoặc H chênh lệch), Số lit mẫu lưu, Số niêm phong chai mẫu (Lưu ý: Nhiệt độ mẫu và Dens TT mẫu phải được đo tính cùng vị trí và thời điểm)
    - Hệ thống hỗ trợ tính toán:
      - VCF từ nhiệt độ và Dens TT;
      - LTT, L15: từ H mức dầu (hoặc H chênh lệch) và Barem của phương tiện (nếu có)

Lưu ý:

+ Cửa hàng chỉ phải nhập H mức dầu hoặc H chênh lệch do đơn vị cấu hình. Khi nhập H mức dầu thì chương trình căn cứ theo Barem cổ téc của ngăn phương tiện để tính ra

H chênh lệch và ngược lại nếu cửa hàng cập nhật H chênh lệch thì chương trình sẽ tính ra H mức dầu.

+ Khi không có Barem cổ téc của ngăn phương tiện thì cửa hàng phải cập nhật cả 02 thông tin về H mức dầu và H chênh lệch

- **Bước 5:** Tab "Phần đo bể":

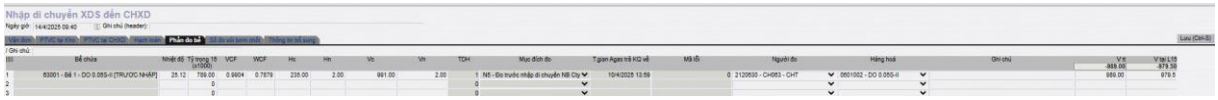

  - Hệ thống tự động Load thông tin bể ở thời điểm hiện tại. Trường hợp không Load được thông tin, NSD thực hiện Click nút "Load TĐH" để lấy lại thông tin
  - Lưu ý:
    - Tỷ trọng 15 bq trước nhập được lấy theo Tỷ trọng 15 (Dens15) gần nhất của bể tại danh mục "D15 bể ". Trường hợp không khai báo tại danh mục, hệ thống tính toán D15 bq trước nhập = D 15 bình quân của phương tiện vận chuyển
    - Mục đích đo: N5- Đo trước nhập di chuyển nội bộ công ty
    - Người đo: NSD chọn User thực hiện đo bể. Mặc định = User đăng nhập
    - Hàng hóa: Mặc định = Mã + Tên hàng hóa gắn với bể chứa
- **Bước 6:** Tab "Số đo vòi bơm chốt":

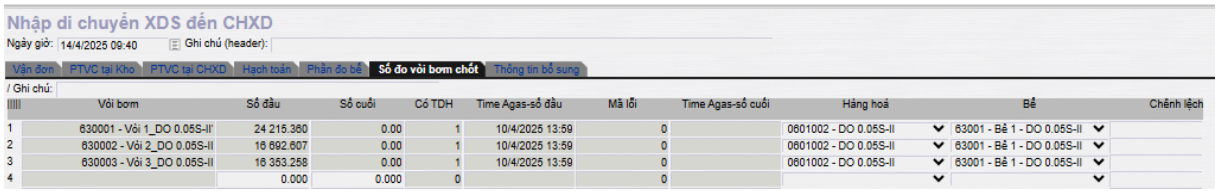

  - Tại Tab "Số đo vòi bơm chốt": Hệ thống tự động Load thông tin vòi bơm tương ứng với bể nhập hàng ở thời điểm hiện tại. Trường hợp không Load được thông tin, NSD thực hiện nhập thủ công
  - Lưu ý:
    - Bể: Mã + Tên bể chứa được gán với vòi bơm (Tại danh mục Vòi bơm)
    - Hàng hóa: Mã + Tên hàng hóa của bể chứa được gán với vòi bơm (Tại danh mục bể chứa)
- **Bước 7:** Tab "Thông tin bổ sung": để trống, không nhập liệu
- **Bước 8:** Lưu thông tin trước nhập: NSD Click nút "**Lưu**" để ghi nhận thông tin trước nhập vào hệ thống

b. Sau khi hoàn thành nhập hàng xuống bể:

- Vào Menu: CHXD\ Kho \ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
- **Bước 1**: Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn → Click "Chứng từ giao nhận"

- **Bước 2:** Tab "Vận đơn": Hệ thống tự động Load thông tin được cập nhật ở bước chốt trước nhập
- **Bước 3**: Tab "PTVC tại kho": Hệ thống tự động Load thông tin được cập nhật ở bước chốt trước nhập
- **Bước 4**: Tab "PTVC tại CHXD": Hệ thống Load thông tin PTVC tại CHXD ở bước chốt trước nhập
- **Bước 5**: Tab "Phần đo bể"

  - Hệ thống tự động Load thông tin bể ở thời điểm trước và sau nhập:
    - Trước nhập: Load thông tin bể ở bước đo trước nhập
    - Sau nhập: Load thông tin bể đo ở thời điểm hiện tại. Trường hợp không Load được thông tin bể sau nhập, NSD thực hiện Click nút "Load TĐH" để lấy lại thông tin đo bể sau nhập → NSD chọn User thực hiện đo bể. Mặc định = User đăng nhập
  - Lưu ý:
    - Tỷ trọng 15 sau nhập được tính toán theo công thức tại Phụ Lục 02
    - Mục đích đo: N6- Đo sau nhập di chuyển nội bộ công ty
    - Người đo: NSD chọn User thực hiện đo bể. Mặc định = User đăng nhập
    - Hàng hóa: Mặc định = Mã + Tên hàng hóa gắn với bể chứa
- **Bước 6:** Tab "Số đo vòi bơm chốt"

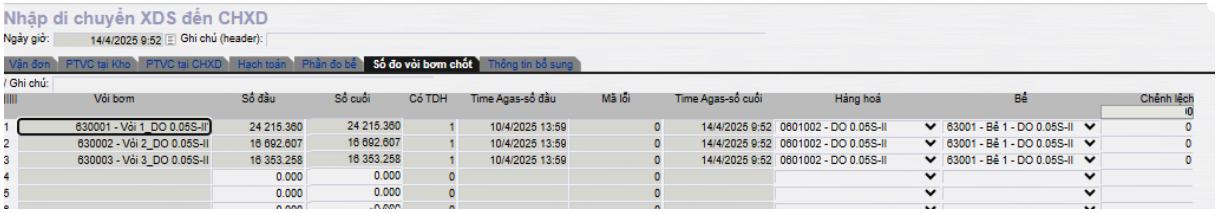

Hệ thống tự động Load thông tin số đo vòi bơm

- Số đầu: Load thông tin vòi bơm ở bước đo trước nhập
- Số cuối: Load thông tin vòi bơm ở thời điểm hiện tại
- Chênh lệch = Số cuối - số đầu

- **Bước 7:** Tab "Hạch toán": Tùy thuộc vào thiết lập của PLX hệ thống thực hiện hạch toán theo phụ lục 01
- **Bước 8:** Tab "Thông tin bổ sung": Chỉ nhập trong trường hợp nhập hàng có mức hàng thấp hơn đường sinh cao nhất của Xi-tec
- **Bước 9:** NSD Click nút "**Lưu**" để ghi nhận chứng từ nhập hàng và thực hiện xử lý lỗi (nếu có) tại mục Xử lý sự cố SR1

4.2 Cửa hàng không sử dụng TĐH đo bể

✓ Thực hiện nhập hàng vào bể, khi nhập hàng cần thực hiện các bước sau (Thực hiện thủ công, ngoài phần mềm):

- Đo phương tiện trước nhập hàng
- Đo bể và chốt vòi bơm trước nhập và sau nhập

✓ Cập nhật chứng từ nhập hàng trên phần mềm:

- Vào Menu: CHXD\ Kho\ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
- **Bước 1**: Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn → Click "Chứng từ giao nhận"

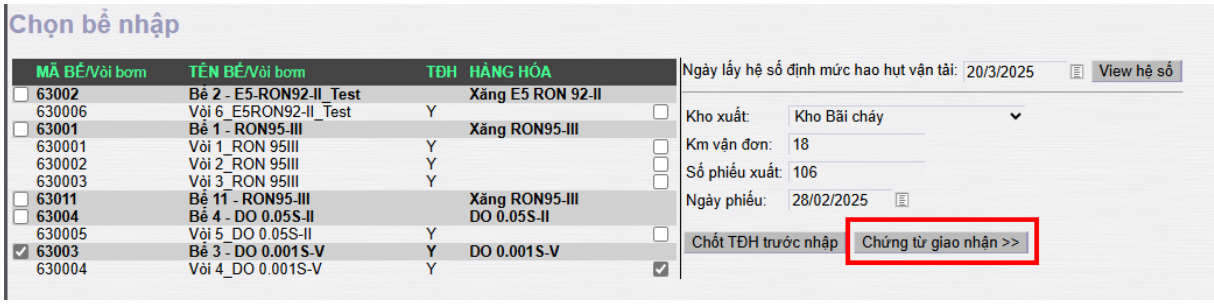

- **Bước 2:** Tab "Vận đơn"

  - Số xe: NSD chọn số phương tiện trong danh sách. Trường hợp không có phương tiện trong danh sách NSD thực hiện như sau:
    - Click chuột vào ô số xe → Nhấn phím "Enter" → hệ thống tự động gọi lên EGAS CENTER để lấy thông tin phương tiện từ SAP sang EGAS
    - Lưu ý: Tại EGAS CLIENT, CHXD cần thực hiện đồng bộ dữ liệu để Phương tiện được đồng bộ từ CENTER về CLIENT
  - Hệ thống tự động Load toàn bộ thông tin từ SAP trả về căn cứ vào "số phiếu xuất, ngày phiếu, kho xuất". NSD kiểm tra thông tin với vận đơn thực tế tại CHXD.
  - Đối với các trường hợp CHXD nhập hàng từ kho xuất nằm ngoài hệ thống kho của PLX (ví dụ 2712 - Kho XD Thanh Hóa hoặc từ 4711- Kho Dung Quất) lưu thêm các thông tin như sau:
    - L15: tổng giá trị "L15 vận đơn PLX" theo hàng hóa trong các ngăn hàng tại tab "PTVC tại Kho"
    - L15 nhà máy: L15 nhà máy theo hàng hóa.

- Các thông tin Nhiệt độ, D15, LTT nhà máy giống với Nhiệt độ, D15, LTT của PLX.
- VCF nhà máy không lưu trên phần mềm, khi cần có thể tính theo công thức:

VCF nhà máy = round (L15 nhà máy/LTT nhà máy,4)

- Trường hợp không Load tự động được thông tin từ SAP:
  - NSD Click nút "***Load PXK***" để hệ thống Load lại thông tin từ SAP.
  - Nhập thủ công theo thông tin trên vận đơn nếu không Load được thông tin từ SAP.
  - Đối với các CHXD nhập hàng từ kho xuất ngoài hệ thống PLX, cần nhập thêm thông tin "L15 nhà máy".
  - Lưu ý: Cần nhập thông tin "Lệnh điều động" ghi trên vận đơn

- **Bước 3**: Tab "PTVC tại kho"

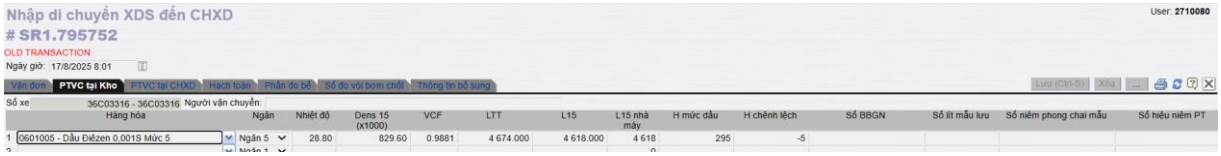

  - Hệ thống tự động Load toàn bộ thông tin từ SAP trả về căn cứ vào "số phiếu xuất, ngày phiếu, kho xuất". Trường hợp không Load được thông tin từ SAP, NSD nhập thủ công((bắt buộc nhập các trường LTT hao hụt định mức vận chuyển- LTTvc, L15 hao hụt định mức vận chuyển- L15vc, Tỷ lệ hao hụt vận chuyển- %vc)
  - Đối với các trường hợp CHXD nhập hàng từ kho xuất nằm ngoài hệ thống kho của PLX (ví dụ 2712 - Kho XD Thanh Hóa hoặc từ 4711- Kho Dung Quất) có thêm các thông tin như sau:
    - L15 vận đơn: Giá trị L15 nhà máy theo ngăn hàng
    - Các thông tin Nhiệt độ, D15, LTT nhà máy giống với Nhiệt độ, D15, LTT của PLX.
    - L15 vận đơn PLX: Giá trị L15 PLX quy đổi theo ngăn hàng và được tính theo công thức như sau:

*L15 vận đơn PLX = Round (LTT vận đơn * VCF,0)*

- **Bước 4**: Tab "PTVC tại CHXD"

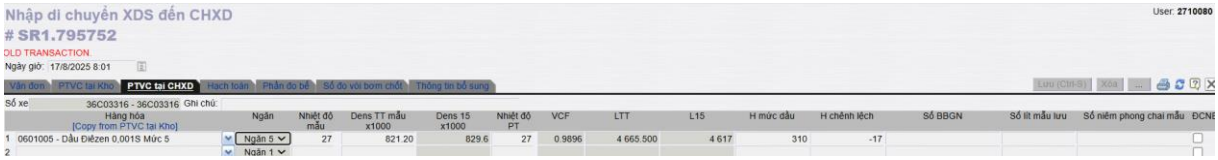

  - Bước 4.1: Khi NSD nhấn vào link "Copy from PTVC tại Kho": hệ thống tự động sao chép dữ liệu từ tab "PTVC tại Kho" sang tab "PTVC tại CHXD" gồm các thông tin:
    - Hàng hóa, Ngăn, Dens 15, VCF, Ltt, L15, H mức dầu, H chênh lệch
    - Nhiệt độ: giá trị được copy vào ô Nhiệt độ PT

NSD nhập các thông tin: Nhiệt độ mẫu, Dens TT mẫu, Nhiệt độ PT, H mức dầu, H chênh lệch.

- Bước 4.2: Tích chọn "ĐCNB" vào các ngăn không nhập vào bể: Hệ thống tự động Load thông tin Nhiệt độ, Dens TT, VCF, LTT, L15, H mức dầu từ tab "PTVC tại Kho" và không cho NSD sửa
- Bước 4.3: Tại các ngăn không tích chọn "ĐCNB":
  - NSD nhập các thông tin tại phương tiện theo từng ngăn gồm: Nhiệt độ mẫu, Dens TT mẫu, nhiệt độ PT, H mức dầu (hoặc H chênh lệch), Số lit mẫu lưu, Số niêm phong chai mẫu (Lưu ý: Nhiệt độ mẫu và Dens TT mẫu phải được đo tính cùng vị trí và thời điểm)
  - Hệ thống hỗ trợ tính toán:
    - VCF từ nhiệt độ và Dens 15;
    - LTT, L15: từ H mức dầu và Barem của phương tiện (nếu có)

- **Bước 5:** Tab "Phần đo bể"

  - Tỷ trọng 15 bình quân trước nhập và sau nhập: hệ thống tự động tính toán
    - Tỷ trọng 15 bq - trước nhập: Lấy theo Tỷ trọng 15 (Dens15) gần nhất của bể tại danh mục "D15 bình quân gia quyền nhập bể ". Trường hợp không khai báo tại danh mục, hệ thống tính toán D15 bq trước nhập = D 15 bình quân của phương tiện vận chuyển
    - Tỷ trọng 15 bq - sau nhập: hệ thống tự động tính toán theo công thức tại Phụ lục 02
  - NSD nhập thủ công thông tin bể đo được ở thời điểm trước và sau nhập
- **Bước 6:** Tab "Số đo vòi bơm chốt": NSD nhập thủ công Số đầu, số cuối từng cột bơm ở thời điểm trước và sau nhập nếu cột bơm không có TĐH

- **Bước 7:** Tab "Hạch toán" **:** Tùy thuộc vào thiết lập của PLX hệ thống thực hiện hạch toán theo phụ lục 01
- **Bước 8:** Tab "Thông tin bổ sung": chỉ dùng trong trường hợp [nhập hàng có mức hàng thấp hơn đường sinh cao nhất của Xi-tec]
- **Bước 9:** NSD Click nút "**Lưu"** để ghi nhận chứng từ nhập hàng và thực hiện xử lý lỗi (nếu có) tại mục Xử lý sự cố SR1

Lưu ý:

- In biên bản giao nhận: In theo tham số cấu hình mà quản trị công ty đã khai báo (theo H mức dầu hay H chênh lệch)

- Công thức tính H mức dầu và H chênh lệch:

+ NSD nhập H mức dầu thì hệ thống tính H chênh lệch = Hct (“Cách lỗ nhập” tại Barem) – H mức dầu

+ NSD nhập H chênh lệch thì hệ thống tính H mức dầu = Hct (“Cách lỗ nhập” tại Barem) – H chênh lệch, H chênh lệch có thể âm hoặc dương.

- Nếu Tập đoàn có khai báo danh mục “Khoảng hợp lệ cho tham số D15 và nhiệt độ” thì chương trình sẽ căn cứ vào thông tin danh mục đó để chặn người sử dụng cập nhật nhiệt độ và D15 ngoài phạm vi cho phép.

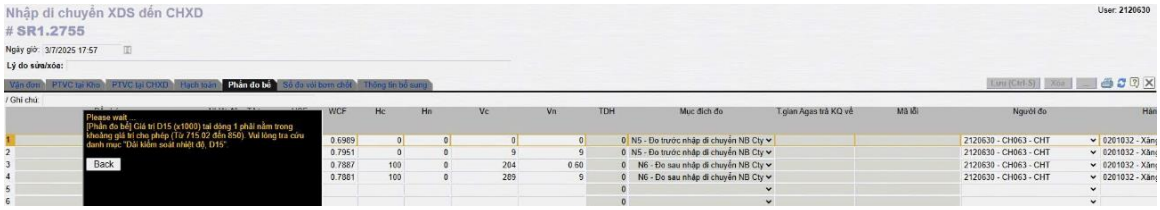

- Giá trị trường D15 ở các Tab PTVC tại kho và PTVC tại CHXD khi người sử dụng gõ vào mà chênh lệch quá giá trị Tập đoàn quy định (có tham số cấu hình trên chương trình, hiện tại giá trị chênh lệch này không được quá 0.0012, D15 x1000 không được chênh lệch quá 1.2) thì chương trình sẽ đưa ra cảnh báo và người sử dụng phải kiểm tra lại, còn nếu đã chính xác thì người sử dụng kích chọn Tiếp tục để hoàn thành chứng từ SR1.

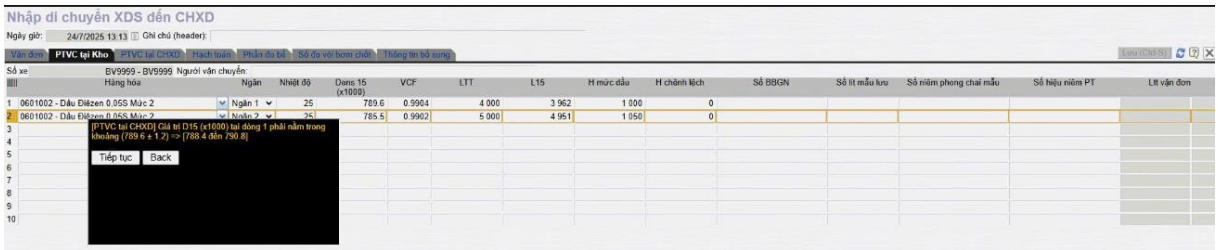

4.3 Các biên bản chứng từ nhập hàng

- Sau khi người sử dụng hoàn thành chứng từ nhập hàng SR1 thì kích chọn nút Print ( ) và lựa chọn mẫu in để in ra các biên bản, (hoặc có thể mở lại các chứng từ SR1 để in ra các biên bản nhập hàng)
- Mặc định chương trình để sẵn mẫu in là Biên bản giao nhận, còn nếu người sử dụng muốn in phiếu xuất kho hoặc biên bản lấy mẫu và kiểm tra niêm phong (BBLM&KTNP) thì phải chọn lại mẫu in rồi kích chọn mẫu in.

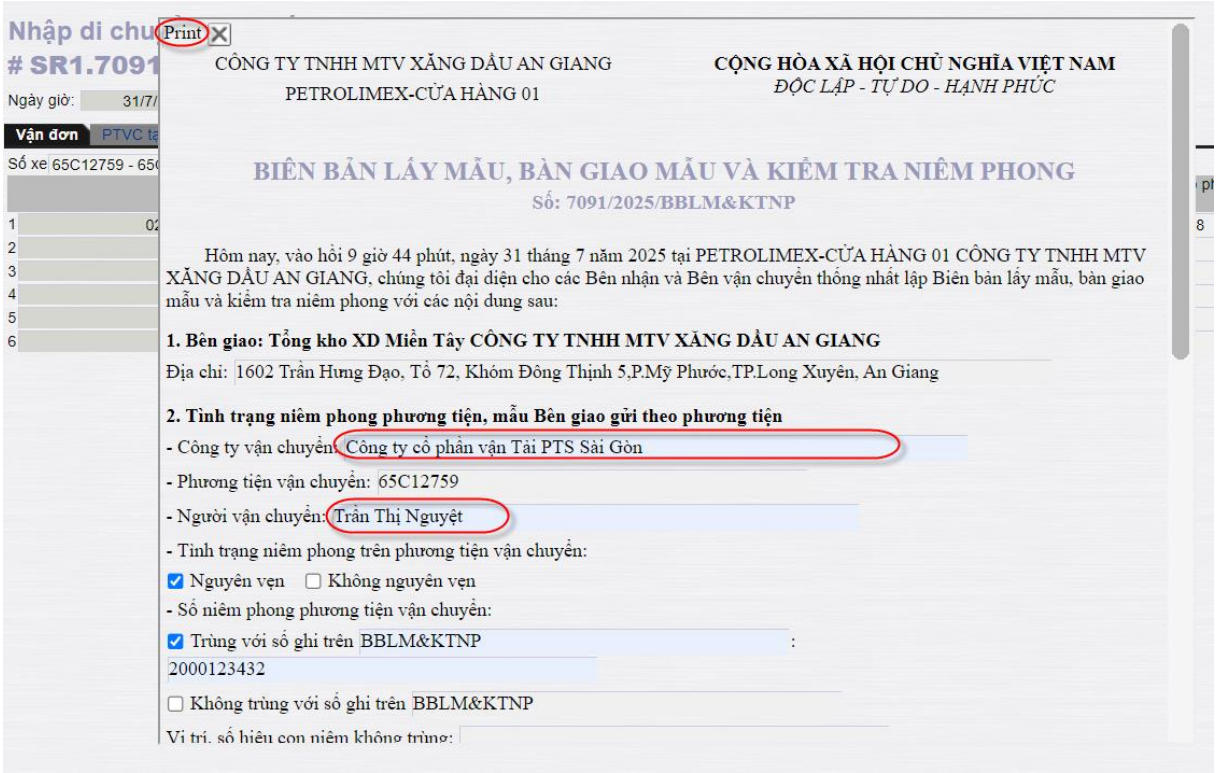

- Sau đó người sử dụng cập nhật chi tiết trong các ô sáng trên biên bản và kích chọn nút Print để in ra biên bản

4.3.1 Biên bản giao nhận xăng dầu

Hình thức biên bản

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Mẫu M07b

BIÊN BẢN GIAO NHẬN XĂNG DẦU

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 18 phút, ngày 3 tháng 10 năm 2025; Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN BÊN VẬN CHUYỂN:

- Ông (Bà): Trần Anh Tú Lái xe BKS: XT003.25
- Ông (Bà):

B. ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN:

- Ông (Bà): Nguyễn Văn Thuyên - Cửa hàng trưởng
- Ông (Bà): - Ca trưởng

Cùng nhau giao nhận các loại hàng hóa như sau:

I. PHẦN THÔNG TIN SỐ LƯỢNG

Kho xuất hàng: Kho Bãi cháy

1. Khâu vận chuyển

Hàng hóa/ Ngăn hàng	Vận đơn/PXKKĐCNB			PTVC tại CHXD				Hao hụt thực tế khâu vận chuyển (Lít 15)	Định mức khâu vận chuyển	
	Nhiệt độ	Lít TT	Lít 15	Nhiệt độ	H chênh lệch	Lít TT	Lít 15		Lít TT	Lít 15
0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	**30,50**	**8.900,00**	**8.725**			**8.900,00**	**8.725**		**6,32**	**6**
Ngăn 1	30,50	8.900,00	8.725	30,50		8.900,00	8.725		6,32	6

2. Công đoạn nhập tại CHXD

Hàng hóa	PTVC tại CHXD		Bể chứa tại CHXD (Lượng nhập)		Hao hụt thực tế CĐ Nhập (Lít 15)	Định mức CĐ Nhập (Lít 15)
	Lít TT	Lít 15	Lít TT	Lít 15		
0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	8.900,00	8.725			8.725	70

Sau khi nhập hàng, hai bên đã phối hợp chất vét hết lượng xăng dầu còn tồn đọng tại đáy xitec, đổ xuống bể chứa của CHXD, kiểm tra và xác nhận đã nhập hết hàng từ xitec xuống bể chứa.

II. PHẦN THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG

- Nước tự do: ☐ Có ☐ Không
- Ngoại quan: ☐ Sạch, trong ☐ Đục, có cặn
- Màu sắc:

- Thông tin Khối lượng riêng:

Mặt hàng	D15 kiểm tra tại CHXD	D15 tại vận đơn/PXKKĐCNB	Chênh lệch
0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	0,7252	0,7252	

Hai bên hoàn toàn nhất trí với các nội dung ghi trong biên bản. Biên bản này được lập thành 01 bản lưu tại CHXD.

ĐẠI DIỆN BÊN VẬN CHUYỂN **ĐẠI DIỆN CỬA HÀNG XĂNG DẦU**

Các trường thông tin

Phần thông tin khâu vận chuyển

1.Khâu vận chuyển										
Hàng hóa/Ngăn hàng	Vận đơn/ PXKKĐCNB			PTVC tại CHXD				Hao hụt thực tế khâu vận chuyển	Định mức khâu vận chuyển	
	Nhiệt độ	Lít TT	Lít 15	Nhiệt độ	H chênh lệch	Lít TT	Lít 15		Lít TT	Lít 15
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2										
Ngăn 1										
0601002-Dầu Điêzen 0,05S Mức 2										
.....										

Ghi chú:các thông tin vận đơn, định mức khâu vận chuyển được lấy từ SAP thể hiện tại V2 của SR1, thông tin PTVC tại CHXD được lấy tự động khi CHXD cập nhật thông tin tại trường SR1

H chênh lệch : Lấu thông tin từ SR1, các Công ty căn cứ điều kiện và tập quán đo tính tại đơn vị mình để lựa chọn cập nhật H mức dầu (hệ thống hỗ trợ tính toán ra H chênh lệch tâm mức) hoặc cập nhật trực tiếp H chênh lệch tấm mức

Mô tả

Cột	Ý nghĩa
1	Mã hàng hóa - Tên hàng hóa
2	Nhiêt độ V1
3	LTT V1
4	L15 V1
5	Nhiêt độ V3
6	H chênh lệch/ H mức dầu: In theo cấu hình Đơn vị chọn
7	LTT V3
8	L15 V3
9	= (4) - (8)
10	LTTvc được lấy từ V2
11	L15vc được lấy từ V2

Phần thông tin công đoạn nhập tại CHXD

2. Công đoạn nhập tại CHXD						
Hàng hóa/ Ngăn hàng	PTVC tại CHXD		Bể chứa tại CHXD (Lượng nhập)		Hao hụt thực tế CĐ Nhập	Định mức CĐ Nhập
	Lít TT	Lít 15	Lít TT	Lít 15		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) -(3)	(7)= (3)*Tỷ lệ định mức hao hụt nhập
XĂNG E5 RON 92-II						
XĂNG RON 95-III						
.....						

Mô tả:

Cột	Ý nghĩa
1	Mã hàng hóa - Tên hàng hóa
2	LTT V3
3	L15 V3
4	LTT V4
5	L15 V4
6	= (5) -(3)
7	= (3)*Tỷ lệ định mức hao hụt nhập

Phần thông tin chất lượng

II. PHẦN THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG					
- Nước tự do:	☐	Có	☐	Không	
- Ngoại quan:	☐	Sạch, trong	☐	Đục, có cặn	
- Màu sắc: [cập nhật thủ công]					
- Thông tin Khối lượng riêng:					

Mặt hàng	D15 kiểm tra tại CHXD	D15 tại vận đơn/PXKKĐCNB	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)
XĂNG E5 RON 92-II			[...]
XĂNG RON 95-III			[...]
...			[...]

Ghi chú: *thông tin D15 tại CHXD lấy từ trường SR1, D15 tại vận đơn/PXKKĐCNB lấy từ SAP*

Mô tả:

Cột	Ý nghĩa
1	Mã hàng hóa - Tên hàng hóa
2	D15 bình quân gia quyền V3 (trọng số theo L15 V3)
3	D15 Vận đơn
4	L15 V1

4.3.2 Biên bản lấy mẫu và kiểm tra niêm phong (BBLM&KTNP)

Hình thức biên bản

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU AN GIANG
KHO TT S701

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN LẤY MẪU, BÀN GIAO MẪU VÀ KIỂM TRA NIÊM PHONG
Số: 7092/2025/BBLM&KTNP

Hôm nay, vào hồi 18 giờ 29 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại KHO TT S701 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU AN GIANG, chúng tôi đại diện cho các Bên nhận và Bên vận chuyển thống nhất lập Biên bản lấy mẫu, bàn giao mẫu và kiểm tra niêm phong với các nội dung sau:

1. Bên giao: Tổng kho XD Miền Tây CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU AN GIANG

Địa chỉ: 1602 Trần Hưng Đạo, Tổ 72, Khóm Đông Thịnh 5,P.Mỹ Phước,TP.Long Xuyên, An Giang

2. Tình trạng niêm phong phương tiện, mẫu Bên giao gửi theo phương tiện

- Công ty vận chuyển: Công ty cổ phần vận Tải PTS Sài Gòn
- Phương tiện vận chuyển: 65C12833
- Người vận chuyển: Trần Thị Liên
- Tình trạng niêm phong trên phương tiện vận chuyển:

☐ Nguyên vẹn ☐ Không nguyên vẹn

- Số niêm phong phương tiện vận chuyển:

☐ Trùng với số ghi trên BBLM&CKCL:

☐ Không trùng với số ghi trên BBLM&CKCL

Vị trí, số hiệu con niêm không trùng:

- Tình trạng mẫu, niêm phong mẫu Bên giao gửi theo phương tiện:

☐ Có mẫu ☐ Không có mẫu

3. Thông tin hàng hoá, mẫu lấy tại phương tiện trước nhập

STT	Mặt hàng	Ngăn	Số lượng (L15)	Niêm phong mẫu
1	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	1	3	740481
2	0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	2	3	740482
3	0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	3		
4	0601005 - Dầu Điêzen 0,001S Mức 5	4	3	740483

4. Sau khi kiểm tra, hai bên thống nhất xác nhận các niêm phong trên phương tiện vận chuyển, bình mẫu (chai mẫu) do Bên giao xăng dầu gửi (nếu có) và bình mẫu (chai mẫu) lấy từ phương tiện vận chuyển trước khi nhập hàng còn nguyên vẹn, đủ niêm phong và các số niêm phong trùng với các số niêm phong được nêu trong BBLM&CKCL của Tổng kho XD Miền Tây CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU AN GIANG.

5. Mẫu lưu tại KHO TT S701 là mẫu đại diện trong trường hợp xảy ra tranh chấp về chất lượng

Các bên thống nhất các nội dung trên và ký xác nhận. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên (Bên vận chuyển và Bên nhận) lưu 01 bản.

Biên bản được lập thành 2 bản có giá trị như nhau./.

Ngày giờ in: 7/8/2025 17:29

BÊN GIAO	**BÊN NHẬN**	
(Ký, họ tên)	**CỬA HÀNG TRƯỞNG**	**CA TRƯỞNG**

4.4 Nhập hàng khi mức hàng thấp hơn đường sinh cao nhất của Xi-tec

4.4.1 Quy trình thực hiện

- Bước 1: Cập nhật chứng từ xuất khác (Tcode 901) tương ứng với lượng bơm thêm vào từng ngăn hàng
- Bước 2: Cập nhật chứng từ nhập hàng (Tcode SR1) tham chiếu đến chứng từ xuất khác ở bước 1.
- Lưu ý:
    - Lượng hàng bơm thêm vào mỗi ngăn hàng trước khi nhập có thể gồm 1 hoặc nhiều Log bơm, khi thực hiện chứng từ xuất khác (Tcode 901) cần phải nhập chung các Log bơm này vào cùng một chứng từ.
    - Mỗi chuyến nhập chỉ nhập một chứng từ nhập hàng (SR1), không tách chuyến nhập thành nhiều chứng từ SR1
    - Tại chứng từ nhập hàng, dữ liệu cập nhật tại Tab PTVC tại CHXD là dữ liệu đo tại phương tiện sau khi đã bơm thêm vào ngăn xitec

4.4.2 Các bước thực hiện

a. Bước 1- Nhập chứng từ xuất khác (Tcode 901)

- Vào Menu: Uhome / Xuất khác → Kích nút và chọn Log đã bơm theo từng ngăn hàng tương ứng. Trường hợp không có Log bơm, NSD nhập thủ công số lượng thực tế đã bơm theo từng ngăn hàng

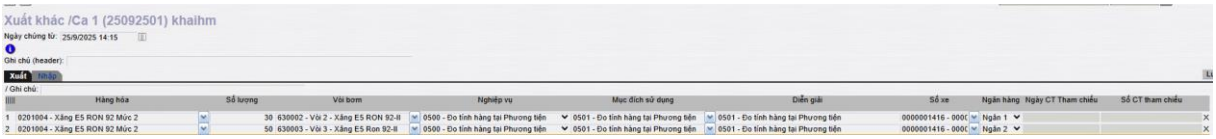

- Lưu ý:
    - Trong một chuyến nhập, nếu có nhiều ngăn hàng có mức hàng thấp hơn đường sinh cao nhất của Xi-tec, có thể:
        - Lập chứng từ xuất khác theo từng ngăn, hoặc
        - Gộp chung tất cả các ngăn vào một chứng từ xuất khác.
    - Đối với mỗi ngăn hàng, có thể có một/ hoặc nhiều log bơm cùng bơm vào ngăn. Khi lập chứng từ xuất khác, cần nhập chung tất cả các log bơm này trên một chứng từ, không tách thành nhiều chứng từ xuất khác cho cùng một ngăn của cùng một chuyến nhập.

b. Bước 2- Nhập chứng từ nhập hàng (Tcode SR1)

- Menu: CHXD\ Kho\ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
- Thực hiện quy trình nhập hàng như quy trình hướng dẫn tại mục 4.1. Cửa hàng có sử dụng TDH đo bể hoặc mục 4.2 Cửa hàng không sử dụng TĐH đo bể, lưu ý cần nhập dữ liệu tại Tab "Thông tin bổ sung" như sau:
    - B1- Kích chọn "Copy from PTVC tại CHXD", hệ thống tự động copy các thông tin hàng hóa, ngăn, H mức dầu vào các trường hàng hóa, ngăn, H tấm mức-GN . NSD tích chọn nút "X" để bỏ chọn những ngăn hàng có mức hàng không bị thấp hơn đường sinh cao nhất của Xi-tec
    - B2- Kích nút để tham chiếu đến chứng từ xuất khác

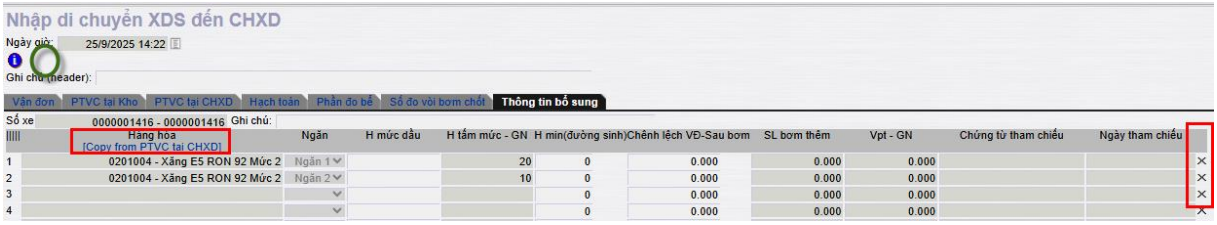

- B3- Tích chọn vào chứng từ xuất khác đã nhập ở bước 1 → Kích "Nhập dữ liệu"

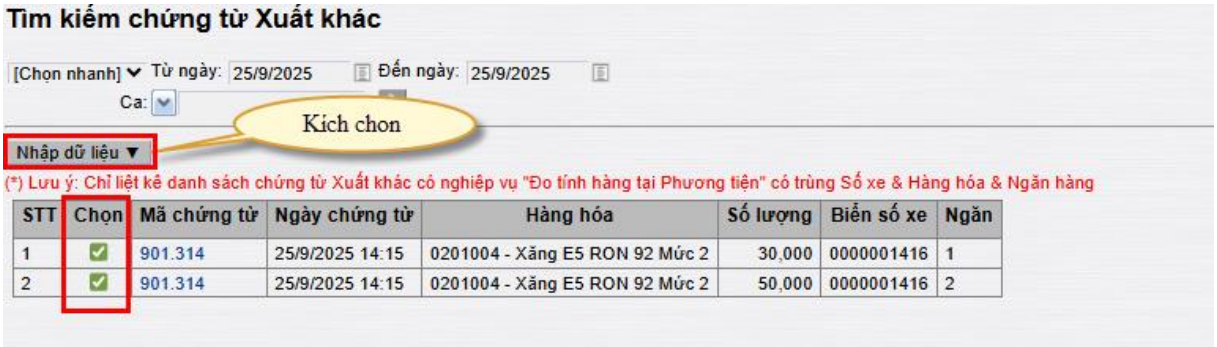

- B4- Hệ thống tự động load SL bơm thêm = tổng số lượng tại các chứng từ 901 được tích chọn theo từng ngăn. NSD nhập các thông tin H mức dầu -VĐ, H min đường sinh, Chênh lệch VĐ- Sau bơm theo bảng mô tả tại Phu luc 05

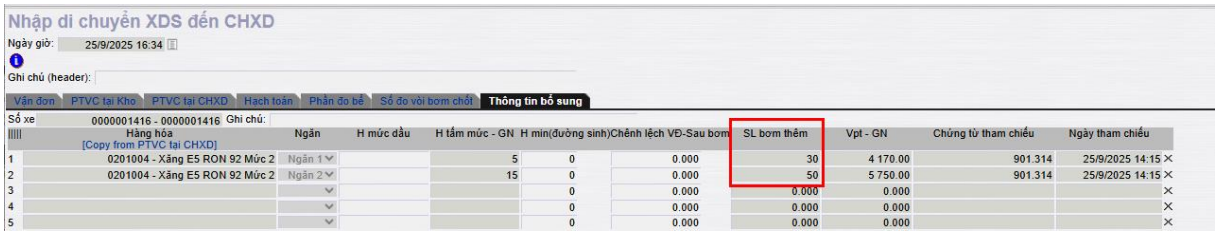

STT	Tên trường	Ý nghĩa
1	Hàng hóa	Hàng hóa
2	Ngăn	Số thứ tự ngăn của xitec
3	H mức dầu- VĐ	H mức dầu tab PTVC tại kho. NSD tự nhập.
4	H mức dầu – GN	H mức dầu tại Tab PTVC tại CHXD. Hệ thống tự động Copy từ V3 Lưu ý: thông số này được đo sau khi đã đổ thêm hàng vào xitec
5	H min (đường sinh)	Mức hàng tại xi téc (so với đường sinh thấp nhất) (mm). Trường hợp này (mặt thoáng xăng dầu thấp dưới cổ xitec) CHXD phải xác định bằng cách đo (tương tự đo bể). NSD tự nhập.
6	Chênh lệch VĐ-Sau bơm	Là lượng chênh lệch giữa lượng hàng tại xi téc sau khi bơm thêm và sau khi nhận hàng tại kho. Dựa vào (H

STT	Tên trường	Ý nghĩa
		mức dầu – VĐ) và (H mức dầu – GN) để tính ra số mm chênh lệch. Từ số mm chênh lệch này dựa theo barem cổ xitec để tính ra số lít chênh lệch (có thể âm hoặc dương)
7	SL bơm thêm	Số lượng hàng bơm thêm (có thể nhiều log bơm).
8	Vpt – GN	Lượng hàng thực tế tại xi téc khi đến trả hàng (khi chưa bơm thêm) (lít). Hệ thống tính bằng công thức (tương ứng với ngăn): LTT (tại V2) – chênh lệch VĐ sau bơm (STT 6) – SL bơm thêm (STT 7)

4.5 Xử lý sự cố - SR1

- Tại bước Lưu chứng từ nhập di chuyển XSD (SR1), hệ thống sẽ thực hiện các công việc sau:
  - Tự động gửi thông tin tỷ trọng 15 bể chứa sang AGAS
  - Tự động gửi thông tin L3 sang SAP (Thông tin tab PTVC tại CHXD).
- Hệ thống trả về thông báo tương ứng với các kết quả xử lý như sau:

Thông báo	Kết quả
	Lưu chứng từ và Gửi kết quả thành công sang AGAS và SAP
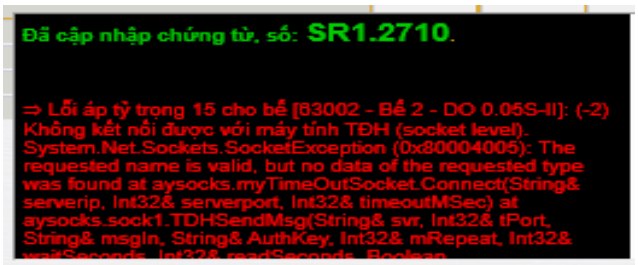	Lỗi gửi thông tin sang AGAS
	Lỗi gửi thông tin sang SAP

4.5.3 Lỗi gửi thông tin sang AGAS

a. Đường dẫn

- Menu: "Cấu hình CHXD/ Cấu hình bể, vòi bơm, POS Bank"
- Người thực hiện: CHXD
- Chỉ thực hiện tại EGAS CLIENT

b. Hướng dẫn chi tiết

- Truy cập theo đường dẫn → tích chọn vào các bể cần áp → Click "Update tỷ trọng 15"

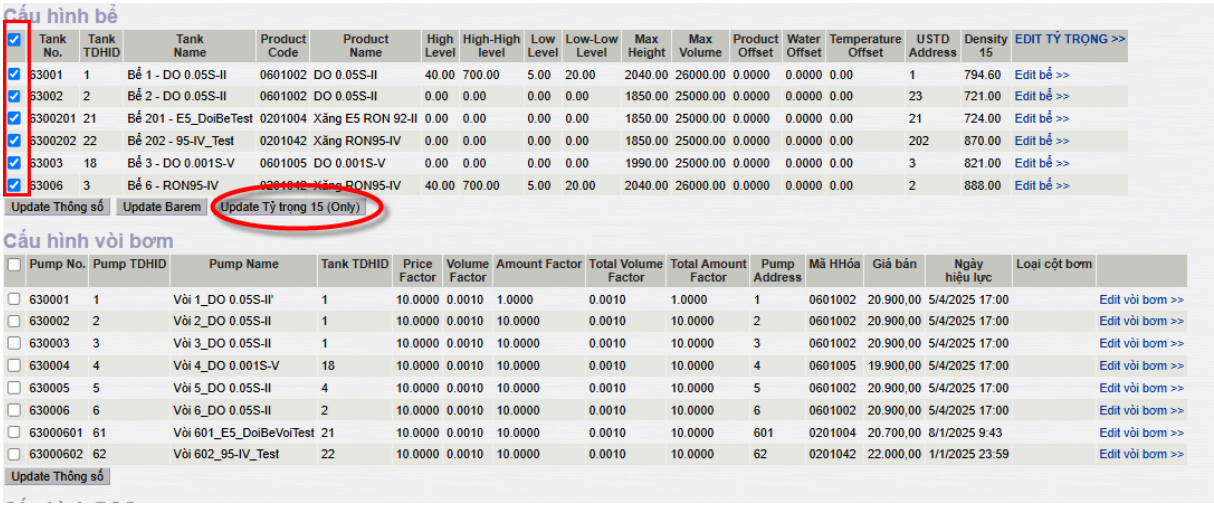

4.5.4 Lỗi gửi thông tin lên SAP

a. Đường dẫn

- Menu**:** Tích hợp/ CSDL Trung gian/ Xý lý sự cố SR1
- Người thực hiện: Văn phòng CTY/CN /CHXD

b. Hướng dẫn chi tiết

Cách 1:

- Tại màn hình lưu chứng từ SR1, NSD kích chọn vào "Gửi yêu cầu gửi lại chứng từ lên SAP?". Hệ thống sẽ tiếp tục gửi thông tin lên hệ thống SAP và trả lại kết quả xử lý.

Cách 2:

- **Bước 1**: Truy cập theo đường dẫn → Nhập các thông tin Từ ngày …đến ngày…, Trạng thái = Lỗi gửi → Click ▶ để tìm kiếm chứng từ đang lỗi

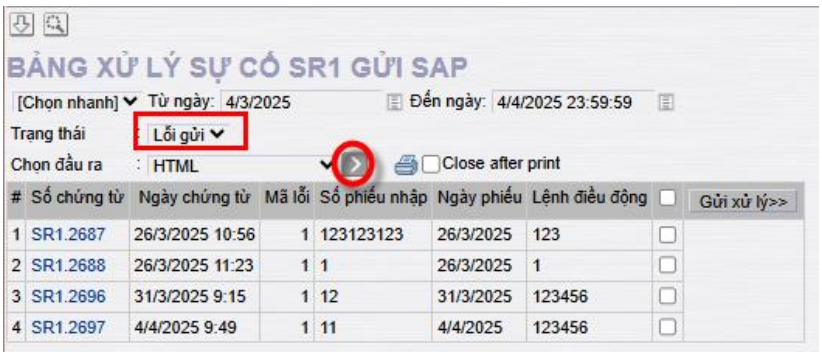

- **Bước 2**: Tích chọn 1/ nhiều/ tất cả các chứng từ cần xử lý → Click vào "Gửi xử lý"

5. QUẢN LÝ SỐ ĐO BỂ VÒI BƠM ĐẦU CA, CUỐI CA

5.1 Nhận số đo bể vòi bơm đầu ca

5.1.1 Nhận số đo bể độc lập đầu ca (WS0)

- Mục đích: Ghi nhận thông tin bể tại thời điểm đầu ca
  - Có TĐH: Hệ thống tự động Load thông tin bể
  - Không có TĐH: NSD thực hiện đo bể thủ công và cập nhật trên phần mềm
- Menu: Tại màn hình ca bán hàng → Click "Số đo bể đầu ca"

Nhận số đo bể bằng phương pháp nhập/ Load số đo bể ở thời điểm đầu ca bán hàng

  - Bước 1:Tích chọn 1/nhiều/ tất cả các bể → Click "Next"

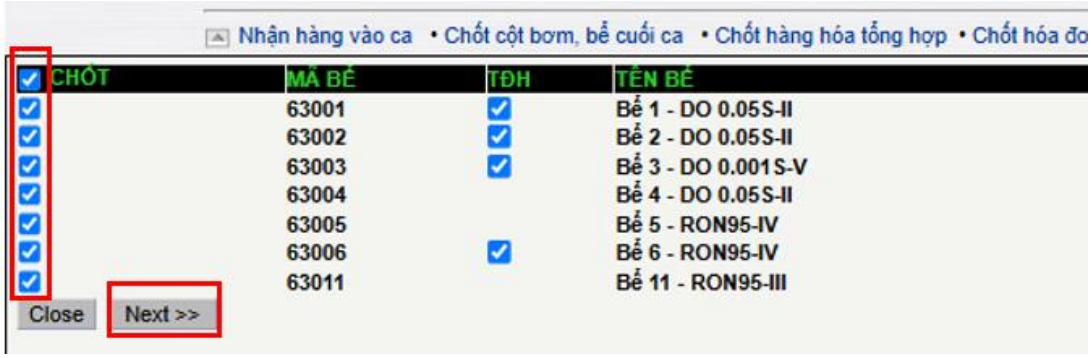

- Bước 2: Kiểm tra/ nhập thông tin từng bể

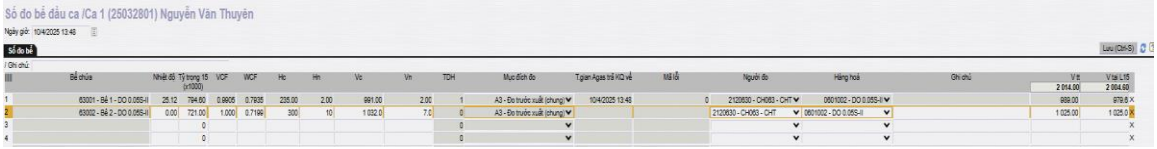

- ✓ **Cửa hàng có TĐH**: Hệ thống tự động lấy thông tin bể ở thời điểm hiện tại và không cho NSD sửa thông tin.
- ✓ **Cửa hàng không có TĐH**: NSD nhập thông tin bể đo được ở thời điểm đầu ca bán hàng.

Lưu ý:

+ Người đo - Chọn trong danh sách User tại CHXD. Nếu không chọn, mặc định là User đang đăng nhập

- Bước 3**:** Click nút "**Lưu**" để lưu chứng từ

5.1.2 Nhận số đo bể vòi bơm đầu ca (WS1)

Nhận số đo bể bằng phương pháp kế thừa dữ liệu từ chứng từ WS3 ca liền trước

- Thực hiện đồng thời cùng WS1 khi nhận số đo vòi bơm vào ca

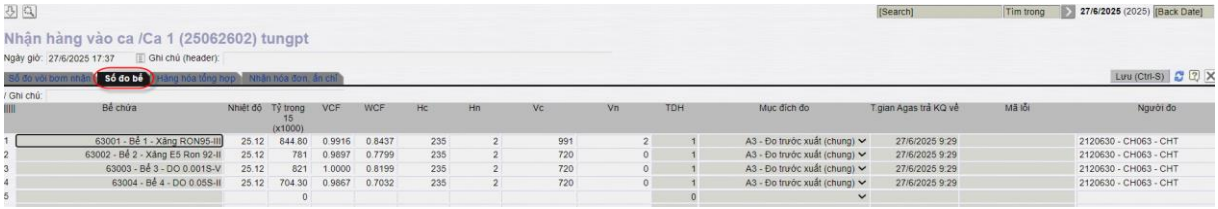

Lưu ý

+ Khi cửa hàng thực hiện nhận số đo vòi bơm vào ca mà chưa nhận số đo bể tương ưng với Vòi bơm gắn với bể thì sẽ không lưu được chứng từ WS1 nhận số đo vòi bơm vào ca

5.2 Chốt số đo bể vòi bơm cuối ca (WS3)

- Mục đích: Ghi nhận thông tin bể, vòi bơm tại thời điểm cuối ca bán hàng
  - Có TĐH đo bể vòi bơm: Hệ thống tự động Load thông tin đo bể, vòi bơm cuối ca.
  - Có TĐH vòi bơm và không có TĐH đo bể: NSD thực hiện đo bể thủ công và cập nhật trên phần mềm số đo bể, còn số đo vòi bơm hệ thống tự động Load
  - Không có TĐH bể, vòi bơm: NSD thực hiện đo bể thủ công để cập nhật trên phần mềm số đo bể và cập nhật số máy trên trụ bơm.
- Menu: Tại màn hình ca bán hàng → Click "Chốt cột bơm, bể cuối ca"

- **Bước 1:** Tích chọn 1/nhiều/ tất cả các bể, vòi bơm cần chốt → Click "Next"

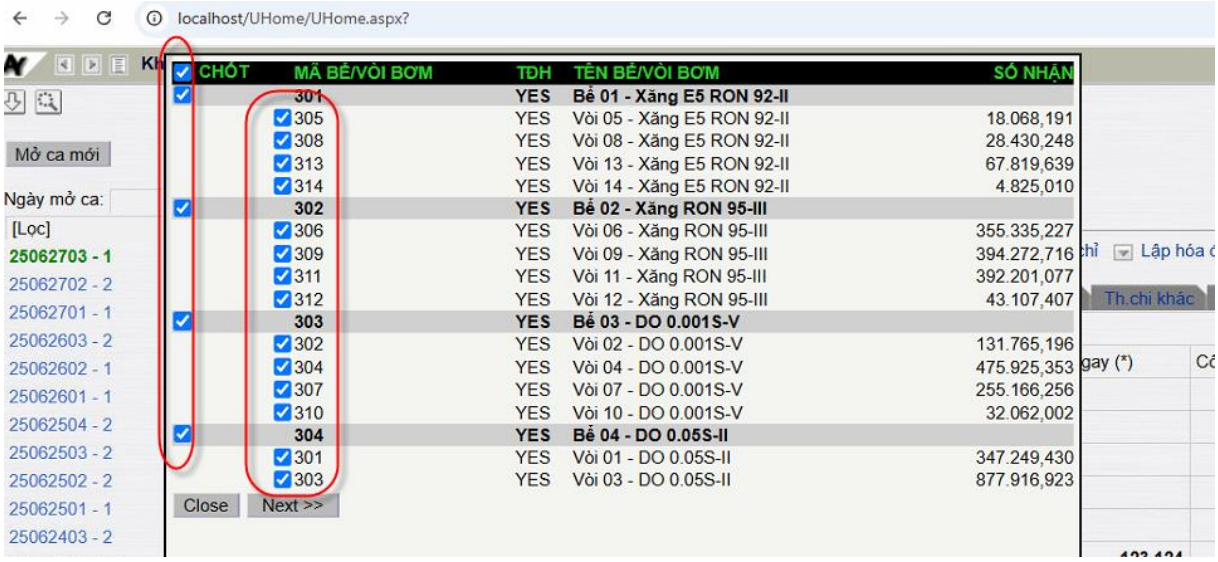

- **Bước 2:** Kiểm tra/ nhập thông tin từng bể và vòi bơm

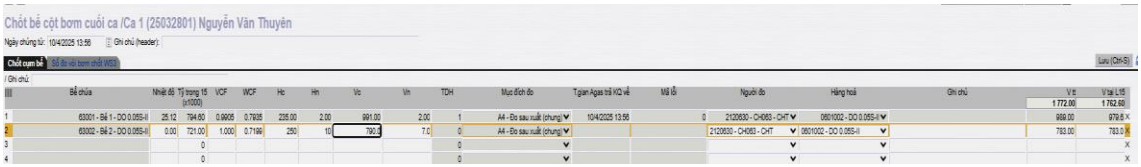

Người đo: Chọn trong danh sách User tại CHXD. Nếu không chọn mặc định là User đang đăng nhập

- **Bước 3:** Click nút "**Lưu**" để lưu chứng từ

Lưu ý:

+ Chứng từ WS3: Chỉ thực hiện được cách giờ dự kiến đóng ca nhỏ hơn 10 phút. Nếu người sử dụng mở sai thời gian dự kiến đóng ca thì có thể vào menu Ca\Admin ca để sửa lại thời gian dự kiến đóng ca.

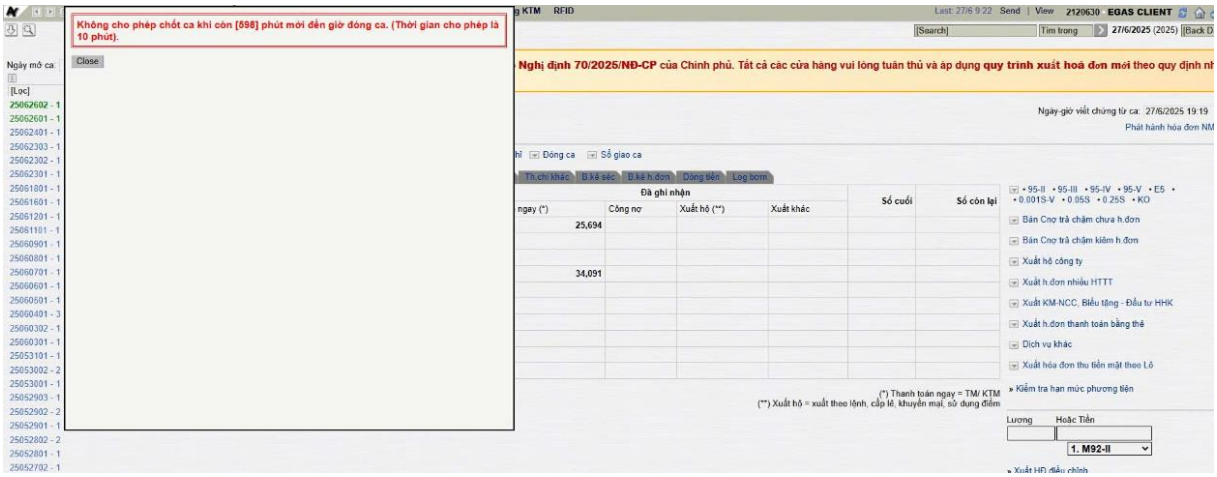

+ Chứng từ WS3: Khi Lưu chứng từ WS3 với số đo vòi bơm và chưa có thông tin số đo bể tương ứng với vòi bơm gắn với bể thì chương trình sẽ chặn không cho lưu chứng từ WS3.

6. BÁO CÁO

6.1 Thẻ bể

6.1.1 Đường dẫn báo cáo

<u>Menu</u>: *CHXD\ Hàng hóa\ N-X-T\ Thẻ bể*

6.1.2 Tham số lọc dữ liệu

STT	Tham số	Mô tả	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Thời gian bắt đầu lấy dữ liệu báo cáo	Ngày hiện tại – 1 tháng	x
2	Đến ngày	Thời gian kết thúc lấy dữ liệu báo cáo	23h59 ngày hiện tại	X
3	Bể chứa	Bể cần xem báo cáo		X

6.1.3 Hình thức báo cáo

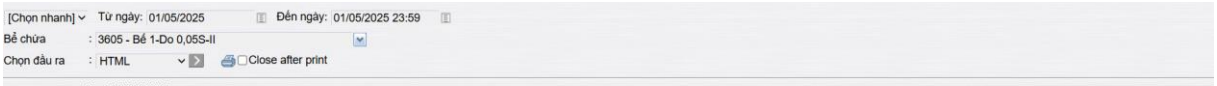

6.1.4 Các trường thông tin

STT	Trường thông tin	Công thức
1	Ngày giờ đo	Thời gian Agas trả Kết quả về nếu có tự động hoá bể hoặc Ngày giờ chứng từ nếu không có tự động hoá
2	Mục đích đo	Giá trị cột Mục đích đo
3	Số liệu đo bể - Hc (mm)	Chiều cao chung, giá trị cột Hc trên chứng từ tương ứng mục đích đo
4	Số liệu đo bể - Hn (mm)	Chiều cao nước, giá trị cột Hn trên chứng từ tương ứng mục đích đo
5	Số liệu đo bể - Vtt (LTT)	Thể tích lượng hàng trong bể tại nhiệt độ thực tế trên chứng từ tương ứng với Mục đích đo

STT	Trường thông tin	Công thức
6	Lượng hàng nhập - Vtt (LTT)	Thể tích lượng hàng nhập bể tại nhiệt độ thực tế, trong đó - Đối với chứng từ SR1: Giá trị cột "LTT hạch toán" tại tab "Hạch toán" của bể - Đối với chứng từ KS5: Giá trị cột "Thừa thiếu hàng" tại tab "Thừa thiếu kiểm kê" nếu giá trị > 0 theo mặt hàng trong bể.
7	Lượng hàng xuất (LTT) - Tại bể	Thể tích lượng hàng xuất qua bể tại nhiệt độ thực tế, trong đó: - Đối với Ca bán hàng: *Lượng hàng xuất = Số đo bể đầu ca - Số đo bể cuối ca + Lượng hàng nhập trong ca* - Đối với SO1: *Lượng hàng xuất = Số đo bể trước xuất - Số đo bể sau xuất*
8	Lượng hàng xuất (LTT) - Cột đo xăng dầu	Thể tích lượng hàng xuất qua vòi bơm tại nhiệt độ thực tế theo bể tương ứng: *Lượng hàng xuất = Số công tơ lít cuối ca - Số công tơ lít đầu ca*
9	Lượng hàng xuất (LTT) - CL bể - cột đo	Lượng chênh lệch = Lượng hàng xuất qua bể - Lượng hàng xuất qua vòi bơm
10	Chênh lệch tồn chứa	Chênh lệch tồn chứa = Số đo bể cuối ca trước - Số đo bể đầu ca sau + Lượng hàng nhập trong khoảng thời gian từ cuối ca trước đến đầu ca sau (nếu có)
11	Người đo	Mã user - Tên user tạo chứng từ

6.2 Báo cáo hao hụt nhập - M23_N

6.2.1 Đường dẫn báo cáo

Menu: *CHXD\ Hao hụt\ Báo cáo hao hụt công đoạn\ Báo cáo hao hụt nhập*

6.2.2 Tham số lọc dữ liệu

STT	Tham số	Mô tả	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Cửa hàng	Cửa hàng cần xem báo cáo. Nếu để trống = All (xem báo cáo toàn bộ cửa hàng)		X

STT	Tham số	Mô tả	Giá trị mặc định	Bắt buộc
2	Từ ngày	Thời gian bắt đầu lấy dữ liệu báo cáo	Ngày hiện tại – 1 tháng	X
3	Đến ngày	Thời gian kết thúc lấy dữ liệu báo cáo	23h59 ngày hiện tại	X
4	Hàng hóa	Hàng hóa cần xem báo cáo. Nếu để trống = All (xem báo cáo toàn bộ mặt hàng XDS)		
5	Đơn vị tính	Cho phép lọc theo đơn vị tính LTT hoặc L15 + Nếu chọn đơn vị tính là LTT: báo cáo hiển thị dữ liệu theo số lượng LTT tại các chứng từ. + Nếu chọn đơn vị tính là L15: Báo cáo hiển thị số lượng L15 tại các màn hình chứng từ. Với các nghiệp vụ liên quan đến xuất hàng hệ thống sẽ quy đổi L15 = LTT * Hệ số VCF bình quân theo mặt hàng, CHXD, có ngày hiệu lực lớn nhất <= Ngày chứng từ trong Danh mục "VCF hàng hóa" tại đường dẫn “Tích hợp/Master Data Company”.	LTT	X
6	Chênh lệch giữa xitec và thực nhận tại bể >= 0,5%	Nếu tích vào mục này để lọc các lô nhập SR1 có điều kiện [cột (17)/ cột (10)]*100 >= 0,5		
7	Lấy tỉ lệ định mức theo công ty	Nếu tích vào mục thì sẽ lấy theo tỷ lệ % HH định mức nhập, xuất, tồn chứa được khai báo cho mã Cửa hàng CC.000 **<u>Lưu ý</u>**: *Chỉ hiển thị tham số lọc này cho người dùng VPCTy.*		

6.2.3 Hình thức báo cáo

BÁO CÁO CHI TIẾT HAO HỤT NHẬP

Từ ngày: 01/07/2025 **đến ngày:** 01/07/2025 23:59

Cửa hàng: 201001

STT	CHXD/ Mặt hàng	Ngày	C.từ	Vận đơn				PTVC tại kho	Chênh lệch vận đơn và PTVC tại kho	PTVC tại CHXD	Chênh lệch PTVC tại kho và CHXD	Bể		Cột bơm		Số lượng nhập	Hao hụt thực tế	Hao hụt định mức		Chênh lệch	Ghi chú
				Số phiếu	Kho xuất	Số PTVC	Số lượng					Trước nhập	Sau nhập	Số đầu	Số cuối			Tỷ lệ (%)	Hao hụt		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7) - (8)	(10)	(11) = (8) - (10)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) = (13) - (12) + (15) - (14)	(17) = (10) - (16)	(18)	(19) = (10) * (18)	(20) = (17) - (19)	(21)
1	**201001-PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01**						**8.319,000**	**8.332,000**	**(13,000)**	**8.323,660**	**8,340**	**5.686,000**	**13.936,000**	**9.438.966,803**	**9.438.966,803**	**8.250,000**	**73,660**		**19,144**	**54,516**	
1.1	**0201032-Xăng RON 95 Mức 3**						**8.319,000**	**8.332,000**	**(13,000)**	**8.323,660**	**8,340**	**5.686,000**	**13.936,000**	**9.438.966,803**	**9.438.966,803**	**8.250,000**	**73,660**		**19,144**	**54,516**	
1	201001	1/7/2025 15:19	SR1.3220	40468	Tổng kho XD Đức Giang	29E10864	8.319,000	8.332,000	(13,000)	8.323,660	8,340	5.686,000	13.936,000	9.438.966,803	9.438.966,803	8.250,000	73,660	0,2300	19,144	54,516	
	TỔNG CỘNG						**8.319,000**	**8.332,000**	**(13,000)**	**8.323,660**	**8,340**	**5.686,000**	**13.936,000**	**9.438.966,803**	**9.438.966,803**	**8.250,000**	**73,660**		**19,144**	**54,516**	

Ngày giờ in: 24/7/2025 15:12

LẬP BIỂU

6.2.4 Các trường thông tin

STT	Trường thông tin	Công thức
1	Cửa hàng	Mã - Tên cửa hàng cần xem báo cáo
2	Mặt hàng	Mã - Tên hàng hóa cần xem báo cáo
3	Ngày	Ngày chứng từ nhập hàng
4	Chứng từ	Số chứng từ nhập hàng **Lưu ý**: *Người dùng có nhấn vào link để xem chi tiết chứng từ*
5	Vận đơn - Số phiếu	Giá trị trường *Số phiếu* trên tab *Vận đơn* của chứng từ SR1
6	Vận đơn - Kho xuất	Giá trị trường *Từ kho* trên tab *Vận đơn* của chứng từ SR1
7	Vận đơn - Số PTVC	Giá trị trường *Số xe* trong mục *Thông tin chung* của chứng từ SR1
8	Vận đơn - Số lượng	Giá trị trường Lít TT hoặc L15 (tuỳ thuộc điều kiện lọc *Đơn vị tính*) trên tab *Vận đơn* của chứng từ SR1
9	PTVC tại Kho	Giá trị trường Lít TT hoặc L15 (tuỳ thuộc điều kiện lọc *Đơn vị tính*) trên tab *PTVC tại kho* của chứng từ SR1
10	Chênh lệch vận đơn và PTVC tại kho	Giá trị được tính theo công thức: *Chênh lệch = Vận đơn Số lượng - PTVC tại kho*
11	PTVC tại CHXD	Giá trị trường *Lít TT* hoặc *L15* (tuỳ thuộc điều kiện lọc Đơn vị tính) trên tab *PTVC tại CHXD* của chứng từ SR1
12	Chênh lệch PTVC tại kho và CHXD	Giá trị được tính theo công thức: *Chênh lệch = PTVC tại kho - PTVC tại CHXD*
13	Bể - Trước nhập	Giá trị trường *Vtt* hoặc *V15* (tuỳ thuộc điều kiện lọc Đơn vị tính) trên tab *Phần đo bể* của chứng từ SR1 tại dòng có Mục đích đo = "*N5 - Đo trước nhập*"
14	Bể - Sau nhập	Giá trị trường *Vtt* hoặc V15 (tuỳ thuộc điều kiện lọc Đơn vị tính) trên tab Phần đo bể của chứng từ SR1 tại dòng có Mục đích đo = "N6 - Đo sau nhập"
15	Cột bơm - Số đầu	Giá trị trường Số đầu trên tab Số đo vòi bơm chốt của chứng từ SR1

STT	Trường thông tin	Công thức
16	Cột bơm - Số cuối	Giá trị trường Số cuối trên tab Số đo vòi bơm chốt của chứng từ SR1
17	Số lượng nhập	Giá trị được tính theo công thức: *Số lượng nhập = Bể Sau nhập - Bể Trước nhập + Số cuối Cột bơm - Số đầu Cột bơm*
18	Hao hụt thực tế	Giá trị được tính theo công thức: *Hao hụt thực tế = PTVC tại CHXD - Số lượng nhập*
19	Hao hụt định mức - Tỷ lệ (%)	Giá trị cột "*Định mức hao hụt %*" trong Danh mục Tỷ lệ hao hụt định mức nhập theo CHXD, mặt hàng, ngày hiệu lực gần nhất liền kề trước đó so với ngày chứng từ SR1. Trong đó: - Nếu điều kiện lọc ô "*Lấy tỷ lệ định mức theo Công ty*" không được chọn: Tỷ lệ % HH định mức nhập theo CHXD. - Nếu điều kiện lọc ô "*Lấy tỷ lệ định mức theo Công ty*" được chọn: Tỷ lệ % HH định mức nhập theo Công ty, mã kho CCC000 trong Danh mục hao hụt định mức nhập.
20	Hao hụt định mức - Hao hụt	Giá trị được tính theo công thức: *Hao hụt định mức = PTVC tại CHXD * Tỷ lệ hao hụt định mức*
21	Chênh lệch	Giá trị được tính theo công thức: *Chênh lệch = Hao hụt thực tế - Hao hụt định mức*

6.3 Báo cáo hao hụt xuất - M23_X

6.3.1 Đường dẫn báo cáo

Menu: *CHXD\ Hao hụt\ Báo cáo hao hụt công đoạn\ Báo cáo hao hụt xuất*

6.3.2 Tham số lọc dữ liệu

STT	Tham số	Mô tả	Giá trị mặc định	Bắt buộc
8	Cửa hàng	Cửa hàng cần xem báo cáo. Nếu để trống = All (xem báo cáo toàn bộ cửa hàng)		X
9	Từ ngày	Thời gian bắt đầu lấy dữ liệu báo cáo	Ngày hiện tại – 1 tháng	X
10	Đến ngày	Thời gian kết thúc lấy dữ liệu báo cáo	23h59 ngày hiện tại	X

STT	Tham số	Mô tả	Giá trị mặc định	Bắt buộc
11	Hàng hóa	Hàng hóa cần xem báo cáo. Nếu để trống = All (xem báo cáo toàn bộ mặt hàng XDS)		
12	Đơn vị tính	Cho phép lọc theo đơn vị tính LTT hoặc L15 + Nếu chọn đơn vị tính là LTT: báo cáo hiển thị dữ liệu theo số lượng LTT tại các chứng từ. + Nếu chọn đơn vị tính là L15: Báo cáo hiển thị số lượng L15 tại các màn hình chứng từ. Với các nghiệp vụ liên quan đến xuất hàng hệ thống sẽ quy đổi L15 = LTT * Hệ số VCF bình quân theo mặt hàng, CHXD, có ngày hiệu lực lớn nhất <= Ngày chứng từ trong Danh mục "VCF hàng hóa" tại đường dẫn “Tích hợp/Master Data Company”.	LTT	X
13	Chênh lệch giữa xitec và thực nhận tại bể >= 0,5%	Nếu tích vào mục này để lọc các lô nhập SR1 có điều kiện [cột (17)/ cột (10)]*100 >= 0,5		
14	Lấy tỉ lệ định mức theo công ty	Nếu tích vào mục thì sẽ lấy theo tỷ lệ % HH định mức nhập, xuất, tồn chứa được khai báo cho mã Cửa hàng CC.000 **<u>Lưu ý</u>**: *Chỉ hiển thị tham số lọc này cho người dùng VPCTy.*		

6.3.3 Hình thức báo cáo

BÁO CÁO CHI TIẾT HAO HỤT XUẤT

Từ ngày: 1/6/2025 **đến ngày:** 30/6/2025 23:59

Cửa hàng: 451001

STT	CHXD/ Mặt hàng	Ca	Bể				Cột bơm			Hao hụt thực tế	Hao hụt định mức		Chênh lệch
			Đo bể đầu ca	Đo bể cuối ca	Nhập trong ca	Thực xuất	Số đầu	Số cuối	Xuất qua vòi bơm		Tỷ lệ (%)	Hao hụt	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3) - (4) + (5)	(7)	(8)	(9) = (8) - (7)	(10) = (6) - (9)	(11)	(12) = (9) * (11)	(13) = (10) - (12)
1	**451001-PETROLIMEX-CỬA HÀNG 01**		**2.925.989,000**	**3.075.726,000**	**274.247,000**	**124.510,000**	**1.021.420.082,450**	**1.021.729.186,350**	**309.103,900**	**(184.593,900)**		**269,464**	**(184.863,364)**
1.1	**0201004-Xăng E5 RON 92 Mức 2**		**1.222.783,000**	**1.285.341,000**	**38.458,000**	**(24.100,000)**	**444.226.411,650**	**444.271.541,210**	**45.129,560**	**(69.229,560)**		**49,643**	**(69.279,203)**
1	451001	25060101-1	24.894,000	23.704,000		1.190,000	7.029.016,710	7.030.313,350	1.296,640	(106,640)	0,1100	1,426	(108,066)
2	451001	25060201-1	23.701,000	23.484,000		217,000	7.030.313,350	7.030.532,020	218,670	(1,670)	0,1100	0,241	(1,911)
3	451001	25060202-1	22.590,000	22.000,000		590,000	7.030.532,020	7.032.024,990	1.492,970	(902,970)	0,1100	1,642	(904,612)
4	451001	25060301-2		21.733,000		(21.733,000)	7.032.024,990	7.032.274,020	249,030	(21.982,030)	0,1100	0,274	(21.982,304)
5	451001	25060302-2	21.733,000	20.414,000		1.319,000	7.032.274,020	7.033.573,990	1.299,970	19,030	0,1100	1,430	17,600
6	451001	25060401-1	20.408,000	20.217,000		191,000	7.033.573,990	7.033.773,450	199,460	(8,460)	0,1100	0,219	(8,679)
7	451001	25060402-1	20.216,000	24.792,000	5.688,000	1.112,000	7.033.773,450	7.035.021,630	1.248,180	(136,180)	0,1100	1,373	(137,553)
8	451001	25060501-1	24.787,000	24.585,000		202,000	7.035.021,630	7.035.216,200	194,570	7,430	0,1100	0,214	7,216
9	451001	25060502-1	24.586,000	23.858,000		728,000	7.035.216,200	7.035.947,870	731,670	(3,670)	0,1100	0,805	(4,475)
10	451001	25060503-2	23.857,000	23.214,000		643,000	7.035.947,870	7.036.607,680	659,810	(16,810)	0,1100	0,726	(17,536)
11	451001	25060601-1	23.209,000	22.975,000		234,000	7.036.607,680	7.036.849,450	241,770	(7,770)	0,1100	0,266	(8,036)
12	451001	25060602-1	22.975,000	21.614,000		1.361,000	7.036.849,450	7.038.217,410	1.367,960	(6,960)	0,1100	1,505	(8,465)
13	451001	25060701-1	21.608,000	21.413,000		195,000	7.038.217,410	7.038.418,610	201,200	(6,200)	0,1100	0,221	(6,421)
14	451001	25060702-1	21.410,000	20.229,000		1.181,000	7.038.418,610	7.039.574,980	1.156,370	24,630	0,1100	1,272	23,358

PHỤ LỤC 01 – CÔNG THỨC TÍNH TOÁN TẠI TAB "HẠCH TOÁN"- SR1

- **Trường hợp 1: Thiết lập hạch toán theo V3 - Hạch toán theo số giao nhận**
  - LTT , L15 hach toán: Hệ thống tự động tính toán bằng cách tổng cộng LTT, L15 từ dữ liệu các ngăn tương ứng tại tab "PTVC tại CHXD"
  - V.chênh lệch, V.giãn nở, V.định mức, V.thừa/thiếu: mặc định =0
  - V.bể = V thực tế của bể sau nhập - V thực tế bể trước nhập + Số chênh lệch cột bơm
- **Trường hợp 2: Thiết lập hạch toán theo V1 - Hạch toán theo vận đơn**
  - LTT thực nhập trên vận đơn:

    LTT_sr1 = LTT vận đơn - ĐCNB
  - L15 thực nhập trên vận đơn:

    L15_sr1= $\frac{\text{L15 vận đơn} * (\text{LTT vận đơn} - \text{ĐCNB})}{LTT\ vận\ đơn}$
  - LTT hạch toán
    - *Các bể đầu*

      LTT hạch toán = V thực tế của bể sau nhập - V thực tế bể trước nhập + Số chênh lệch xuất bán qua cột bơm
    - *Bể cuối cùng*

      LTT hạch toán = LTT_sr1 - Tổng LTT hạch toán các bể đầu
  - L15 hạch toán
    - *Các bể đầu*

      L15 hạch toán = $\frac{LTT\ hạch\ toán * L15_sr1}{LTT_sr1}$
    - *Bể cuối cùng*

      LTT hạch toán = L15_sr1 - Tổng L15 hạch toán các bể đầu
  - V.chênh lệch, V.giãn nở, V.định mức, V.thừa/thiếu: mặc định =0
  - V.bể = V thực tế của bể sau nhập - V thực tế bể trước nhập + Số chênh lệch cột bơm

PHỤ LỤC 02 – CÔNG THỨC TÍNH TOÁN D15 BỂ

- Công thức được tính toán theo từng bể trên từng chứng từ SR1

$$\mathbf{Ds_15} = \frac{\mathbf{L15_t * Dt_15 + L15_ptvc * Dptvc_15}}{\mathbf{L15_t + L15_ptvc}}$$

  Trong đó
  - Ds_15: Tỷ trọng 15 bình quân gia quyền sau nhập của bể
  - L15_t: Số lượng L15 trước nhập
  - Dt_15: Tỷ trọng 15 bình quân gia quyền trước nhập
  - L15_ptvc: Tổng L15 các ngăn của PTVC nhập vào bể

    L15_ptvc = (L15_ngăn1 + … + L15_ngănk)

    với 1..k là các ngăn nhập bể thực tế
  - Dptvc_15: Tỷ trọng 15 bình quân gia quyền của PTVC

$$\text{Dptvc_15} = \frac{L15_ngăn1 * D15_ngăn1 + \cdots + L15_ngănk * D15_ngănk}{\text{L15_ptvc}}$$

với 1..k là các ngăn nhập bể thực tế

PHỤ LỤC 03 – CÔNG THỨC TÍNH TOÁN NHẬP XUẤT CHÊNH LỆCH NHIỆT ĐỘ

- Phương pháp tính theo từng bể, chứng từ nhập SR1 trong kỳ, thông tin hàng hóa tại phương tiện (áp dụng với các ngăn không được chọn ĐCNB)

Vcl = Vtt * (VCFbe - VCF)

Trong đó:

  - Vcl: lượng hàng hóa phát sinh do chênh lệnh nhiệt độ thực tế hàng hóa tại phương tiện và nhiệt độ tại bể chứa CHXD
  - Vtt: lượng hàng hóa thực tế tại Phương tiện = LTT tại tab "PTVC tại CHXD"
  - VCF: hệ số được xác định theo thông tin D15 phương tiện bình quân gia quyền và nhiệt độ phương tiện bình quân gia quyền (tra bảng 54B)
  - VCFbe: hệ số được xác định theo thông tin D15 phương tiện bình quân gia quyền và nhiệt độ tại bể chứa tại CHXD (tra bảng 54B)

Nhiệt độ phương tiện bình quân gia quyền:

$$\frac{Nhiệt\ độ\ ngăn\ 1 * LTT\ ngăn\ 1 + Nhiệt\ độ\ ngăn\ 2 * LTT\ ngăn\ 2 + \cdots}{(LTT\ ngăn\ 1 + LTT\ ngăn\ 2 + \cdots)}$$

- Tổng lượng Vcl (không bù trừ lượng tăng/giảm) làm cơ sở để tạo chứng từ "KS9 chênh lệch nhiệt độ" theo nguyên tắc:
  - Vcl <= 0 → đưa vào phần Nhập
  - Vcl > 0 → đưa vào phần Xuất

PHỤ LỤC 04 - HƯỚNG DẪN NHẬP XUẤT TẠI CA BÁN HÀNG

- Trong thời gian nhập hàng, CHXD không được bán mặt hàng đang nhập
- Khuyến cáo: Thời gian nhập hàng không kéo dài hơn thời gian của một ca bán hàng
- Các tình huống phát sinh như sau:

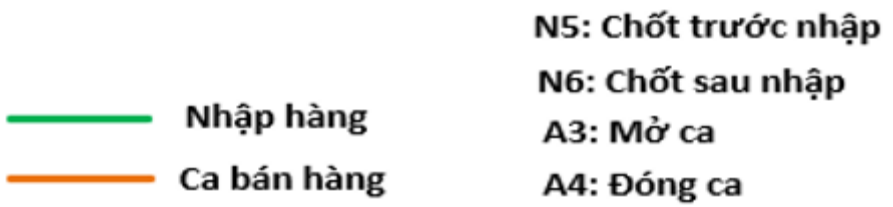

STT	Tình huống	Các bước thực hiện
1	**Thời gian ca bán hàng không có nhập hàng** 	- Đóng mở ca bán hàng như hiện tại

STT	Tình huống	Các bước thực hiện
2	**Mở ca bán hàng khi đang nhập hàng** Thứ tự thời gian: N5 - A3 - N6 - A4	- Khoảng thời gian nhập hàng (N5 - N6): Cửa hàng không được xuất bán tại các vòi bơm gắn với mặt hàng đang nhập - Tại A3: Không nhận số đo bể (WS0) và vòi bơm(WS1) của mặt hàng đang nhập - Tại N6: Thực hiện nhận số đo bể (WS0) và vòi bơm(WS1) của mặt hàng đang nhập
3	**Nhập hàng trong 1 ca bán hàng** Thứ tự thời gian: A3 - N5 - N6 - A4	- Khoảng thời gian nhập hàng (N5 - N6): Cửa hàng không được bán tại các vòi bơm gắn với mặt hàng đang nhập - Khoảng thời gian từ A3 - N5 và N6 - A4 : Cửa hàng bán hàng bình thường do không có sự kiện nhập hàng
4	**Kết thúc nhập hàng sau ca hiện tại - không có ca sau liền kề** Thứ tự thời gian: A3 - N5 - A4 - N6	- Khoảng thời gian bắt đầu nhập hàng đến lúc đóng ca (N5 - A4): Cửa hàng không được bán tại các vòi bơn đang gắn với mặt hàng đang nhập - Tại N5: thực hiện chốt số đo bể và vòi bơm (WS3) của mặt hàng đang nhập
5	**Nhập hàng trong 2 ca bán hàng** 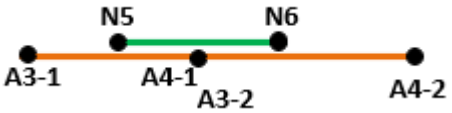 Thứ tự thời gian: - Ca 1: A3 - N5 - A4 - Ca 2: A3 - N6 - A4	- Ca 1: Tương tự STT 4 - Ca 2: Tương tự STT 2

PHỤ LỤC 05 – DỮ LIỆU TẠI CÁC TAB TRÊN CHỨNG TỪ NHẬP HÀNG SR1

STT	Tên trường	Bắt buộc	Ý nghĩa
I	**Tab "PTVC tại Kho": Thừa kế từ SAP**		
1	Hàng hóa	x	Hàng hóa
2	Ngăn hàng	x	Số thứ tự ngăn của xitec

STT	Tên trường	Bắt buộc	Ý nghĩa
3	H mức dầu		Khoảng cách từ cổ xitec đến mặt thoáng hàng hóa.
4	H chênh lệch		Khoảng cách từ mặt thoáng hàng hóa đến mặt trên của tấm mức tại Phương tiện - Tính bằng mm -Mặt thoáng cao hơn tấm mức: Thể hiện số dương -Mặt thoáng thấp hơn tấm mức: Thể hiện số âm
5	Nhiệt độ	x	Nhiệt độ
6	Dens15 (x 1000)	x	Tỷ trọng tại nhiệt độ 15.
7	VCF	x	Hệ số điều chỉnh thể tích VCF
8	LTT	x	Số lượng LTT
9	L15	x	Số lượng L15
10	Số BBGN		Số biên bản giao nhận
11	Số lít mẫu lưu		Ký hiệu số mẫu lưu gửi theo xe
12	Số lượng mẫu lưu		Số lượng mẫu lưu (lít) gửi theo xe
13	Số niêm chai mẫu		Số hiệu niêm mẫu gửi theo xe
14	Số hiệu niêm PT		Số hiệu niêm phương tiện của từng ngăn
15	L15 vận đơn PLX		L15 vận đơn PLX: Giá trị L15 PLX quy đổi theo ngăn hàng và được tính theo công thức như sau: *L15 vận đơn PLX = Round (LTT vận đơn * VCF,0)*
16	Ltt vận đơn	x	Giá trị Ltt vận đơn theo từng ngăn
17	L15 vận đơn	x	Giá trị L15 nhà máy theo từng ngăn
II	**Tab "Phương tiện tại CHXD"**		
1	Hàng hóa	x	Hàng hóa
2	Ngăn hàng	x	Số thứ tự ngăn của xitec
3	H mức dầu	x	Khoảng cách từ cổ xitec đến mặt thoáng hàng hóa. CHXD dùng thước chữ T để đo. - Nếu giá trị "*Cấu hình đo hàng hóa tại PTVC – Company = H mức dầu*" người dùng phải nhập giá trị này và chương trình sẽ tính giá trị H chênh lệch theo Barem cổ téc của ngăn phương tiện vận chuyển
4	Nhiệt độ mẫu	x	Nhiệt độ đo tại bình mẫu khi xác định thông số DensTT

STT	Tên trường	Bắt buộc	Ý nghĩa
5	Den TT mẫu (x 1000)	x	Tỉ trọng tại nhiệt độ bình mẫu. NSD tự nhập
6	Dens 15 (x 1000)	x	Tỷ trọng tại nhiệt độ 15, chương trình tự tính và người sử dụng không sửa lại được
7	Nhiệt độ PT	x	Nhiệt độ đo tại PTVC, NSD tự nhập
8	VCF	x	Hệ số điều chỉnh thể tích VCF. Hệ thống tra bảng tính theo nhiệt độ và Dens 15
9	LTT	x	Số lượng LTT. Hệ thống tự động tính (nếu phương tiện có Barem). Công thức: LTT = Dung tích PTVC (tại Barem) + LTT_tmp Trong đó: LTT_tmp = tra barem "H mức dầu" ra số lít thực tế, có thể âm
10	L15	x	ReadOnly nếu phương tiện có barem. Số lượng L15 = LTT * VCF
11	H chênh lệch	x	Khoảng cách từ mặt thoáng hàng hóa đến mặt trên của tấm mức tại Phương tiện - Tính bằng mm -Mặt thoáng cao hơn tấm mức: Thể hiện số dương -Mặt thoáng thấp hơn tấm mức: Thể hiện số âm Nếu giá trị "*Cấu hình đo hàng hóa tại PTVC – Company = H chênh lệch*" người dùng phải nhập giá trị này và chương trình sẽ tính giá trị H mức dầu theo Barem cổ téc của ngăn phương tiện vận chuyển.
12	Số BBGN		Ký hiệu số mẫu lưu trước nhập hàng
13	Số lít mẫu lưu		Số lượng mẫu lưu (lít) trước nhập hàng
14	Số niêm phong chai mẫu		Số hiệu niêm mẫu trước nhập hàng
15	ĐCNB		Tích chọn nếu CH không nhập ngăn hàng này, điều chuyển sang CH khác (trường hợp DCNB, thì số lượng hàng tại ngăn sẽ bằng số lượng tương ứng tại PTVC – kho xuất , hệ thống không cho sửa)
III	**Tab "Thông tin bổ sung":** Copy từ tab "PTVC - CHXD", NSD xóa ngăn không dùng.		
1	Hàng hóa	x	Hàng hóa
2	Ngăn	x	Số thứ tự ngăn của xitec
3	H mức dầu- VĐ	x	H mức dầu tab PTVC tại kho. NSD tự nhập.

STT	Tên trường	Bắt buộc	Ý nghĩa
4	H mức dầu – GN	x	H mức dầu tại Tab PTVC tại CHXD. Hệ thống tự động Copy từ V3 Lưu ý: thông số này được đo sau khi đã đổ thêm hàng vào xitec
5	H min (đường sinh)	x	Mức hàng tại xi téc (so với đường sinh thấp nhất) (mm). Trường hợp này (mặt thoáng xăng dầu thấp dưới cổ xitec) CHXD phải xác định bằng cách đo (tương tự đo bể). NSD tự nhập.
6	Chênh lệch VĐ-Sau bơm	x	Là lượng chênh lệch giữa lượng hàng tại xi téc sau khi bơm thêm và sau khi nhận hàng tại kho. Dựa vào (H mức dầu – VĐ) và (H mức dầu – GN) để tính ra số mm chênh lệch. Từ số mm chênh lệch này dựa theo barem cổ xitec để tính ra số lít chênh lệch (có thể âm hoặc dương)
7	SL bơm thêm	x	Số lượng hàng bơm thêm (có thể nhiều log bơm).
8	Vpt – GN	x	Lượng hàng thực tế tại xi téc khi đến trả hàng (khi chưa bơm thêm) (lít). Hệ thống tính bằng công thức (tương ứng với ngăn): LTT (tại V2) – chênh lệch VĐ sau bơm (STT 6) – SL bơm thêm (STT 7)

PHỤ LỤC 06 - SR1- THÔNG BÁO LỖI VÀ CÁCH XỬ LÝ

Thông báo	Nguyên nhân	Cách xử lý
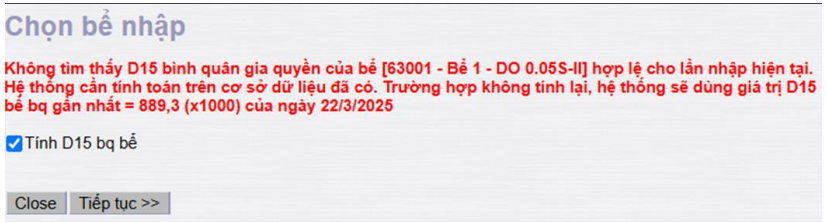	Do trong khoảng thời gian từ D15 gần nhất của bể trong danh mục "D15 bể" đến thời điểm nhập SR1, có tồn tại ít nhất 1 chứng từ SR1. Hệ thống tự động hiển thị "Tính D15 bq bể" và được tích để cho phép NSD tính lại D15 bể thay vì dùng giá trị gần nhất	Mặc định để tích chọn tại "Tính D15 bq bể" → chọn "Tiếp tục" để hệ thống tính toán lại D15 bình quân bể tại các chứng từ SR1 chưa được tính toán
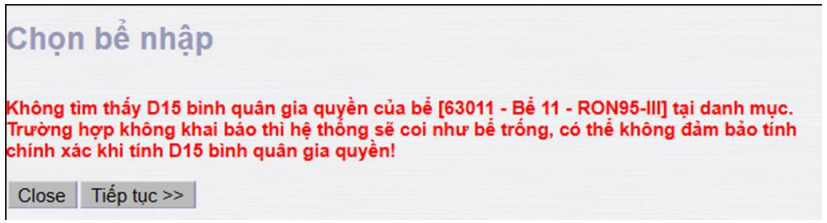	Do bể chứa chưa được khai báo D15 bình quân gia quyền tại danh mục "D15 bể". Lỗi này thường xảy ra ở thời điểm đầu đưa vào triển khai hoặc lần đầu cửa hàng có nhập mặt hàng	- Cách 1: NSD chọn "Close" → nhập thủ công D15 bình quân bể tại danh mục "D15 bể" → Thao tác lại chứng từ nhập hàng - Cách 2 : NSD chọn "Tiếp tục": Hệ thống cho phép tạo chứng từ với D15 trước nhập = D15 sau nhập = D15 bình quân của phương tiện vận chuyển. Việc này chỉ đúng nếu bể được nhập hàng/ thay đổi mặt hàng và nhập lần đầu. Nếu bể còn tồn hàng trước khi nhập sẽ làm sai D15 bình quân bể do không khai báo giá trị khởi tạo ban đầu. → không khuyến khích thực hiện theo cách này.

Thông báo	Nguyên nhân	Cách xử lý
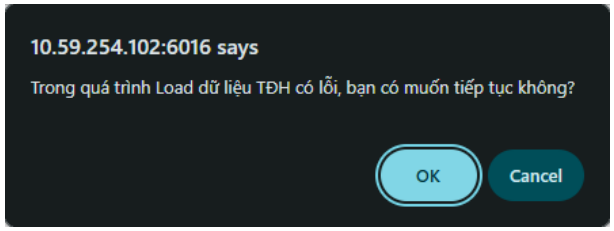	Tại thời điểm chốt trước nhập/ hoặc sau nhập hệ thống không lLoad được thông tin bể chứa, cột bơm từ TĐH.	- Click “Cancel”: Nếu không muốn tiếp tục và thực hiện lại thao tác - Click “OK”: Nếu tiếp tục thực hiện mà bỏ qua lỗi Load dữ liệu TĐH. Khi đó, hệ thống sẽ thông báo danh sách bể chứa hoặc vòi bơm chốt lỗi. NSD tiếp tục Click “OK” để tiếp tục.

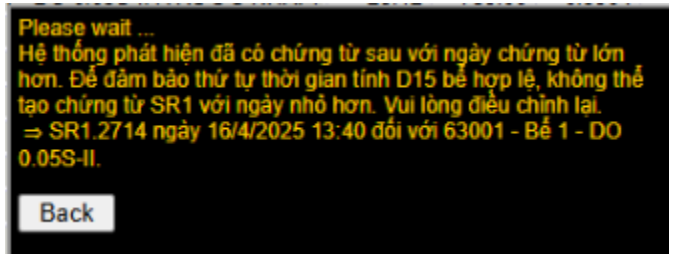	Đã tồn tại chứng từ nhập hàng sau thời điểm chứng từ hiện tại đang thực hiện (kiểm tra theo các bể của chứng từ hiện tại)	- B1: Kiểm tra lại ngày giờ chứng từ nhập hàng?
		  o Nếu sai: Nhập lại đúng ngày giờ chứng từ
		  o Nếu đúng: Chuyển sang bước 2
		- Bước 2: Kiểm tra chứng từ nhập hàng đã thông báo trên màn hình. Muốn lưu được chứng từ cần xóa chứng từ này đi trước

Không load được phiếu xuất kho từ SAP	1. NSD nhập sai thông tin: Kho xuất, Số vận đơn, ngày vận đơn 2. Lỗi hệ thống	NSD kiểm tra lại thông tin: Kho xuất, Số vận đơn, ngày vận đơn đã nhập chính xác với vận đơn chưa? Nếu dữ liệu nhập chính xác mà hệ thống không load được thông tin phiếu xuất kho, NSD thực hiện nhập thủ công.

Thông báo	Nguyên nhân	Cách xử lý
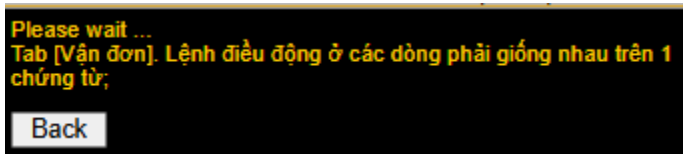	Hệ thống bắt buộc phải nhập trùng PXK/ Lệnh điều động trên các line cùng chứng từ	Kiểm tra lại các PXK/ Lệnh điều động tại các line phải trùng nhau tại tab "Vận đơn"
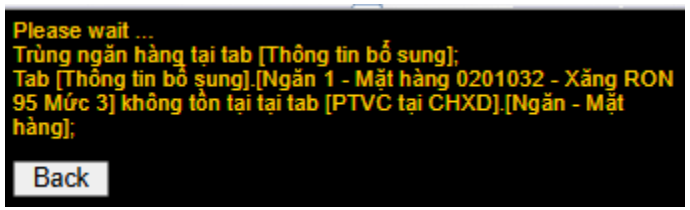	Hệ thống bắt buộc ngăn hàng tại tab "Thông tin bổ sung" phải tồn tại ngăn ở tab "PTVC tại CHXD"	Kiểm tra lại ngăn hàng tại tab "Thông tin bổ sung" có tồn tại trong tab "PTVC tại CHXD" ?
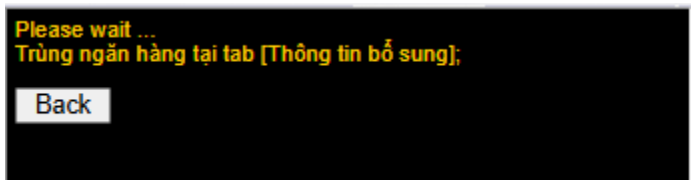	Hệ thống chặn không cho phép nhập trùng ngăn hàng tại tab "Thông tin bổ sung"	Kiểm tra lại ngăn hàng tại tab "Thông tin bổ sung", đảm bảo không trùng ngăn giữa các line
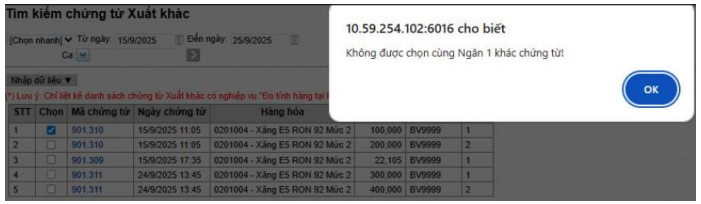	Chọn 2 chứng từ xuất khác bị trùng ngăn hàng	- Kiểm tra ngăn hàng tại các chứng từ đã chọn. Nếu trùng ngăn cần thực hiện làm lại chứng từ xuất khác. Đảm bảo nguyên tắc: Tại chuyến nhập, các Log bơm cùng bơm vào 1 ngăn hàng phải được nhập cùng một chứng từ 901-Xuất khác